SỔ TAY PHỔ BIẾN KIẾN THỨC

PHÒNG VÀ TRỊ MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở ĐỘNG VẬT

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
Hà Nội - 2002

TỦ SÁCH PHỔ BIẾN KIẾN THỨC

Tập: Phòng và trị một số bệnh thường gặp ở động vật

Chịu trách nhiệm xuất bản:
GS TS HOÀNG NAM
Biên tập: Trần Phượng Trinh
Sắp chữ: Phòng Vi tính
Công ty Văn hoá Bảo Thắng
344 Đường Láng - Hà Nội
Trình bày bìa: Hạ Vinh Thi

In 700 cuốn khổ 13 x 19 tại Xí nghiệp in 15
Giấy phép số 107-1378/CXB cấp 11/10/2001
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2002

CÔNG TY VĂN HOÁ BẢO THẮNG
BAN BIÊN TẬP - BIÊN DỊCH

PHÒNG VÀ TRỊ
MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở ĐỘNG VẬT

NXB VĂN HOÁ DÂN TỘC
Hà Nội, 2002

LỜI MỞ ĐẦU

Trong cơ cấu ngành nghề nước ta, nông nghiệp luôn chiếm một vị trí quan trọng. Mặc dù nhu cầu phát triển của xã hội là công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, nhưng phát triển nông nghiệp vẫn là một chiến lược quan trọng trong sự nghiệp phát triển chung và chăn nuôi là một bộ phận không thể thiếu của ngành nông nghiệp. Thực tế, chăn nuôi đã trở thành một nhu cầu, một "thói quen" của người dân từ trước đến nay. Nhưng giờ đây khi nhu cầu phát triển ngày càng cao thì chăn nuôi không chỉ còn mang ý nghĩa thoả mãn nhu cầu thực phẩm, mà còn mang giá trị kinh tế. Chăn nuôi theo quy mô nhỏ đã được nâng lên ở tầm vĩ mô. Những kinh nghiệm hiểu biết về lĩnh vực chăn nuôi đã được đề cập đến, nhưng rủi ro trong việc chăn nuôi vẫn là mối bận tâm của nhiều người. Với mục đích trao đổi kinh nghiệm, trợ giúp các bạn trong công việc, chúng tôi xin giới thiệu cuốn sách: **"PHÒNG VÀ TRỊ MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở ĐỘNG VẬT".**

Cuốn sách gồm 4 chương với nội dung chính:

Chương I: **Phòng và trị một số bệnh ở cá.**

Chương II: **Phòng và trị bệnh thường gặp ở gia súc.**

Chương III: **Điều trị một số bệnh thường gặp ở gia cầm.**

Chương IV: **Giới thiệu một số kháng sinh dùng trong thú y.**

Bằng sự tận tâm, cố gắng, chúng tôi luôn hy vọng cuốn sách sẽ phần nào giúp người chăn nuôi yên tâm hơn trong công việc của mình.

Mặc dù vậy,vẫn rất mong nhận được sự trao đổi, quan tâm của quý độc giả, vì chắc chắn trong quá trình biên soạn, nhóm chúng tôi sẽ không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Cuối cùng xin chúc quý độc giả thành công và hạnh phúc.

CHƯƠNG I

PHÒNG VÀ TRỊ MỘT SỐ BỆNH Ở CÁ

Từ trước đến nay nghề chăn nuôi cá đã thu hút sự quan tâm của rất nhiều người. Nhiều hộ gia đình làm giàu đi lên bằng nghề nuôi cá. Nhưng cũng không ít người "tay trắng" cũng chỉ vì nghề này. Điều đó có nghĩa việc nuôi cá gặp rất nhiều những rủi ro trong thực tế. Một trong những rủi ro mang tính quan trọng nhất, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của cá là những bệnh trạng cơ thể cá. Phát hiện được bệnh cá đã khó, chữa bệnh cho cá lại càng khó hơn vì môi trường sống của cá là nước, để phát hiện bệnh hay dùng thuốc chữa quả thật vô cùng phức tạp.

Vì vậy việc phòng bệnh cho cá là hết sức quan trọng và chủ yếu. Trị bệnh chỉ là biện pháp cuối cùng cho cá.

I. MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÒNG BỆNH CHO CÁ

1. Nguyên nhân gây bệnh.

Bệnh của cá thường phát sinh do các nguyên nhân sau:

- Nguồn nước trong ao nuôi có nhiều mầm mống gây bệnh như các loài bào tử của nấm, ký sinh trùng sống trong nước do vệ sinh ao không kỹ hoặc nguồn nước dẫn vào ao lấy từ nơi có cá đã mắc bệnh.

- Do thức ăn, điều kiện nhiệt độ không thích hợp cho đời sống của cá.

- Do việc nuôi dưỡng, chăm sóc không tốt, cá gầy yếu, sức đề kháng với bệnh tật kém.

- Do thân thể cá bị sây sát, vi khuẩn có điều kiện xâm nhập vào các vết thương.

- Vào mùa đông, những loại cá ăn ở tầng đáy như rô phi thường rúc vào trong bùn để tránh rét thường bị nấm thuỷ mi. Các loài cá chép, cá trôi, rô hu... dễ bị bệnh bao tử vì nhiễm phải bào nang của chúng dưới đáy ao.

- Khi thời tiết thay đổi đột ngột, oi bức, mưa dông làm môi trường ô nhiễm, thiếu ôxi và xuất hiện nhiều khí độc làm cá nổi đầu có thể chết hàng loạt.

- Với cá nuôi trong lồng có mật độ dày, chỉ cần một vài con mắc bệnh sẽ lây lan nhanh chóng làm cá chết hàng loạt.

Trên đây là một số nguyên nhân có thể gây bệnh cho cá. Nắm được các nguyên nhân này, cần thực hiện một số biện pháp phòng bệnh sau.

2. Các phương pháp phòng bệnh.

- Ao phải được vệ sinh kỹ trước khi thả cá.

- Không lấy nước từ ao cá có bệnh.

- Loại những con cá giống đã bị sây sát, yếu sức khi thả nuôi.

- Trước khi vận chuyển xuất nhập cá từ nơi khác phải kiểm tra dịch bệnh. Nếu phát hiện bệnh phải giữ lại để xử lý trị bệnh.

- Phân hữu cơ trước khi bón cho ao cần được ủ kỹ và có trộn vôi bột để diệt trừ vi khuẩn, trứng và ấu trùng của ký sinh trùng gây bệnh cho cá cũng như gây ảnh hưởng không tốt đến sức khoẻ con người.

- Đối với nuôi cá lồng, việc phòng bệnh phải hết sức thận trọng. Trước khi thả cá và sau khi thu hoạch cá phải đưa lồng lên, quét kỹ nước vôi khắp lồng (với lồng tre, gỗ) hoặc giặt sạch bằng xà phòng (với lồng lưới). Sau đó phơi khô vài ba ngày.

- Nên tắm cho cá giống bằng nước muối, thuốc tím trước khi thả. Thức ăn xanh cần giữ tươi, non, mềm, không độc.

- Ngoài ra có thể dùng các loại thuốc sau để phòng bệnh cho cá:

+ Lấy một túi vôi bột từ 2 - 4 kg treo ngập trong nước trước đầu lồng, treo theo định kỳ hàng tháng .

+ Cứ 45 ngày một lần cho cá ăn thuốc KN-04-12 (thuốc do Viện nghiên cứu nuôi trồng thuỷ sản Tiên Sơn - Hà Bắc sản xuất) với liều lượng mỗi ngày 0,2 kg thuốc cho 100 kg cá. Cho ăn liên tục trong 3 ngày.

+ Vào mùa lạnh, treo túi thuốc đựng 5 kg xanh Malasite. Mỗi tháng treo 1 - 2 lần để phòng bệnh nấm và trùng bánh xe.

II - CHẨN ĐOÁN VÀ CHỮA BỆNH CHO CÁ

1. Chẩn đoán.

Việc chữa bệnh cho cá rất khó khăn vì phát hiện bệnh rất phức tạp. Chẩn đoán đúng bệnh có lẽ là khâu quan trọng nhất trong việc trị bệnh cho cá. Và không phải ai cũng làm được điều này vì việc chẩn đoán đòi

hỏi người thực hiện phải có những kiến thức nhất định.

Có nhiều phương pháp chẩn đoán khác nhau như: Cảm quan, hiển vi, vi sinh, huyết học hoặc phương pháp chẩn đoán thông thường.

Tuy nhiên qua kết quả nghiên cứu và thực tiễn sản xuất thì việc chẩn đoán bệnh dựa trên cơ sở sau:

- Quan sát hoạt động của cá: Cá bị bệnh thường bơi lội không bình thường, giữa ban ngày nổi đầu, nghe tiếng động mạnh vẫn không lặn xuống, thường bơi tản mát không theo đàn.

- Khi bắt cá lên, thân cá có lớp nhớt màu hơi trắng đục. Lúc đó có thể cá bị bệnh trùng bánh xe, tà quản trùng, trùng loa kèn.

- Nếu trên mang cá có màu sắc nhợt nhạt, tia mang bị rời ra, nhiều nhớt thì có thể cá bị bệnh sán lá đơn chủ hoặc các bệnh nói trên.

- Trên thân mang và vây cá có nhiều hạt lấm tấm nhỏ, màu trắng đục thì cá có thể bị bệnh trùng quả dưa.

- Nếu thân, vây và mang cá xuất hiện những hạt bằng hạt tấm màu trắng đục thì có thể cá bị bệnh thích bào tử trùng (mỗi hạt là một bào nang). Khi nhìn qua kính hiển vi sẽ thấy trong bào nang có rất nhiều bào nang trùng.

- Nếu thân, vây cá (ở rô phi) và trứng cá chép khi đang ương có những chỗ màu trắng xám, nhìn kỹ thấy những sợi nhỏ tua tủa như bông là bệnh nấm thuỷ mi (nấm nước).

- Nếu thân cá hiện các nốt đỏ, viêm loét, nhìn bằng mắt thường cũng có thể thấy một loại ký sinh trùng cắm vào thân cá, có chiều dài 10 - 20mm. Loại ký sinh trùng này trông giống chiếc mỏ neo gọi là trùng mỏ neo.

- Nếu trên thân cá, vấy cá xuất hiện những đốm đỏ, lỗ hậu môn sưng đỏ, các vết đỏ có màng mỏng, trong chứa nhiều dịch nhờn màu sẫm, có chỗ viêm loét, các tia vây, thậm chí cả tia vây cứng cũng bị rữa cụt là cá bị bệnh đốm đỏ lở loét do vi trùng gây ra, lây lan thành dịch bệnh.

Dựa vào những chẩn đoán mang tính thực tiễn trên, người nuôi cá có thể điều trị bệnh theo các phương pháp sau đây:

2. Phương pháp điều trị bệnh cho cá.

Trước khi đi vào điều trị, cần phải nắm được những kiến thức cơ bản về cách dùng thuốc cho cá. Hiện nay có 3 cách dùng thuốc chữa bệnh sau:

- Hoà tan thành dung dịch chứa trong thùng, chậu để tắm cho cá.

- Hoà tan trong nước ao của cá mang bệnh, biện pháp này chỉ áp dụng phù hợp với ao nuôi cá nhỏ, khối nước không nhiều.

- Trộn thuốc vào thức ăn cho cá.

Người nuôi cá có thể lựa chọn cho mình một biện pháp phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh để trị một số bệnh thông thường cho cá.

a. Bệnh trùng mỏ neo.

- Dùng lá xoan tươi (kể cả nhánh nhỏ đập dập) bó thành các bó nhỏ thả xuống ao với số lượng 0,3 - 0,5 kg /m^3 nước. Sau 3 - 4 ngày lá xoan sẽ phát huy tác dụng diệt trùng.

- Có thể dùng dung dịch Dipterex nồng độ 0,5 - 1ppm (có nghĩa là 0,5 - 1g thuốc hoà tan trong 1m^3 nước) phun trực tiếp xuống ao cá bệnh.

b. Bệnh rận cá.

- Dùng dung dịch thuốc tím 1/10 vạn tắm cho cá trong 15 -20 phút sau đó chuyển cá sang ao nước sạch.

- Có thể dùng dung dịch Dipterex phun trực tiếp xuống ao với nồng độ 0,5 - 1g thuốc trong 1m^3 nước.

c. Bệnh nấm thuỷ mi.

- Nước muối 3% hoặc thuốc tím 1/1000, tắm cho cá từ 10 - 20 phút.

d. Bệnh trùng quả dưa.

- Dùng xanh Malasit phun trực tiếp xuống ao với tỷ lệ 0,3 gam thuốc/1m^3 nước ao. Cách một tuần phun thuốc 2 lần.

e. Bệnh trùng bánh xe, tà quản trùng, trùng loa kèn, sán lá đơn chủ.

- Dùng dung dịch nước muối 2% (50 lít nước hoà tan với 1kg muối ăn) tắm cho cá từ 5 - 10 phút.

- Có thể dùng Sunfat đồng ($CuSO_4 7H_2O$) loại công nghiệp phun xuống ao với tỷ lệ 0,5 gam thuốc với 1m^3 nước ao. Sau 3 - 5 ngày cá sẽ khỏi bệnh.

f. Bệnh đốm đỏ lở loét.

- Dùng Sungamit 10 - 15g hoặc Cloramphenicol 2 - 5 g trộn lẫn vào thức ăn cho 100kg cá bệnh ăn trong ngày đầu. Từ ngày thứ 2 đến ngày thứ 6, giảm 1/2 lượng thuốc trên, mỗi loại một nửa.

- Riêng với cá trắm cỏ bị bệnh đốm đỏ dạng mãn tính còn có thể dùng cồn i ốt bão hoà bôi trực tiếp vào vết loét mỗi tuần một lần trong vài ba tuần.

Tuy nhiên khi điều trị các bệnh trên cần chú ý:

+ Nếu trị bệnh bằng phương pháp tắm thì xúc cá vào vợt, rồi nhúng vào thùng hoặc bể đã pha thuốc. Không nên dùng bể tắm bằng kim loại (đồng, nhôm, sắt) vì có thể gây độc cho cá.

Theo dõi sức chịu đựng của cá để bỏ ra đúng lúc. Đồng thời phải thay đợt thuốc mới nếu nồng độ thuốc đã loãng do tắm quá nhiều lần cá.

Nếu trị bệnh bằng phun thuốc trực tiếp xuống ao phải tính chính xác khối lượng nước trong ao để cân đối lượng thuốc bảo đảm đủ nồng độ thuốc hoà tan trong ao.

Thực hiện theo những chỉ dẫn trên, người nuôi cá sẽ đảm bảo có được những lứa cá tốt. Nhưng thực tế việc chẩn đoán bệnh cá bằng mắt thường khó chính xác. Nếu thấy bệnh có chiều hướng lan rộng. cách tốt nhất nên mời chuyên gia bệnh cá để xác định và điều trị kịp thời.

CHƯƠNG II

ĐIỀU TRỊ NHỮNG BỆNH THƯỜNG GẶP Ở GIA SÚC

Việc chăn nuôi gia súc đem lại hiệu quả kinh tế cao. Nhưng lại đòi hỏi phải có những hiểu biết nhất định, nhất là trong lĩnh vực phòng và điều trị bệnh. Xin giới thiệu tới các bạn một số cách phòng và điều trị các bệnh thường gặp ở gia súc.

I. CÁC BỆNH THƯỜNG GẶP Ở TRÂU BÒ

1. BỆNH TIÊN MAO TRÙNG TRÂU BÒ.

Đây là loại bệnh do một loài ký sinh trùng sống trong máu gây ra, rất dễ dẫn đến tử vong ở trâu bò. Bệnh thường xảy ra vào vụ đông - xuân và đa số ở những trâu bò đưa từ vùng cao về đồng bằng .

a. Triệu chứng.

Ký sinh trùng gây bệnh tiên mao trùng sẽ làm trâu bò bị thiếu máu, xuất hiện nhiều hồng cầu non, hồng cầu lưới, tuỷ xương sưng to, suy nhược, phù thũng phần bụng sau, có con còn bị bại liệt chân sau.

- ***Sốt cao và gián đoạn:*** Sau thời gian mang bệnh từ 14 - 30 ngày trâu bò thường đột ngột lên cơn sốt 40 - 41°C, kéo dài 2 - 4 ngày rồi giảm. Thời gian sau nhiệt độ lại tăng. Thời gian gián đoạn giữa 2 cơn sốt dài hay ngắn tuỳ theo thể trạng của con vật.

- ***Hội chứng thần kinh:*** Một số con khi lên cơn sốt có thể có hội chứng thần kinh như điên loạn, mắt đỏ ngầu, húc đầu vào tường, chạy vòng quanh kêu rống lên. Nhẹ hơn thì run rẩy từng cơn, mắt trợn ngược rồi ngã lăn, sùi bọt mép giống trâu bị cảm nắng. Đây là thời kỳ bệnh cấp tính, trâu bò có thể bị liệt 2 chân sau.

- ***Phù thũng dưới da:*** Thường xuất hiện ở phần dưới cơ thể như ở bốn chân (từ khớp khuỷu trở xuống) và bộ phận sinh dục của trâu đực. Đôi khi còn xuất hiện ở cả phần bụng và yếm.

- ***Viên giác mạc và kết mạc mắt:*** Xuất hiện ở hầu hết trâu bò có bệnh, mắt có dử, ghèn trắng hay vàng

chảy ra liên tục, bệnh nặng thì mắt sưng đỏ ngầu, khi khỏi bệnh để lại màng trắng rõ rệt.

- ***Hội chứng tiêu hoá:*** Một số con bị ỉa chảy nặng, phân lỏng, màu vàng, sau chuyển sang xám, có lẫn bọt và niêm dịch nhờn.

- ***Gày yếu suy nhược:*** Khi trâu bò ở thể bệnh cấp tính gày sút rất nhanh. Chỉ sau 7 - 14 ngày con vật đã gày rộc, mắt trũng sâu. Nếu bệnh kéo dài hơn, con vật gày xơ, lông dựng ngược, da khô nhăn nheo, niêm mạc mắt nhợt nhạt, lông dễ rụng...

Đó là tất cả các triệu chứng thường gặp khi trâu bò mắc bệnh. Tuy nhiên trong thực tế vẫn có khoảng 3% trâu bò bị bệnh vẫn béo khoẻ, làm việc bình thường, không có những dấu hiệu của bệnh. Trường hợp này rất khó phát hiện.

b. Phòng bệnh.

- Định kỳ kiểm tra bệnh một năm 2 lần vào tháng 3 và tháng 9 cho trâu bò.

- Tiêm phòng cho trâu bò vào tháng 5, tháng 10 (tháng trước đông xuân hàng năm).

- Nâng cao thể trạng và sức khoẻ cho đàn trâu bò cày kéo.

c. Điều trị.

.- Sử dụng thuốc Naganol còn có tên là Naganin, Bayer 205, Suramin, tiên mao trùng (Trypanosoma evanst). Tuy nhiên để đảm bảo chắc chắn hiệu lực và an toàn cho trâu, bò thì ngoài thuốc điều trị Naganol còn phải sử dụng phối hợp loại thuốc trợ tim mạch theo phác đồ điều trị sau:

Diễn giải	Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4
Thuốc điều trị	Naganol	Nghỉ	Naganol	Nghỉ
Liều dùng g/kg P	0,01	điều trị và	0,01	Làm
Pha nước cất (%)	10%	làm việc	10%	việc
Vị trí tiêm	Bắp thịt		Bắp thịt	

- Dùng thuốc Trypamidium (còn có tên là Isométamidium) có thể vừa phòng chống, vừa điều trị bệnh tiên mao trùng rất có hiệu quả.

- Cách dùng: Pha một mg thuốc/1kg trọng lượng trâu, bò với nước cất theo tỷ lệ 1% tiêm 1 lần vào bắp thịt cổ. Có thể chia lượng thuốc tiêm 2 - 3 nơi bắp cơ.

Sử dụng thuốc này có nhiều ưu điểm hơn so với Naganol, tỷ lệ an toàn và khả năng có thể đạt 100%. Có thể có tỷ lệ phản ứng cục bộ, nhưng ít thấy phản ứng toàn thân, liều dùng thuốc lại thấp, liệu trình rất đơn giản.

2. BỆNH SÁN LÁ GAN TRÂU, BÒ.

Sán lá gan là loài ký sinh trùng gây bệnh chung cho động vật, thậm chí đôi khi còn có ở người.

a. Triệu chứng.

- Bệnh sán lá gan trâu, bò có thể phát ra ở thể cấp tính hay mãn tính tuỳ theo trạng thái con vật và số lượng sán nhiễm.

Thể bệnh thường thấy là kéo dài, lặp đi lặp lại nhiều lần các triệu chứng như: gày rạc, suy nhược cơ thể, phân nhão, có lúc ỉa lỏng, niêm mạc mắt nhợt nhạt, thiếu máu kéo dài, lông xù, da mốc, lông rụng, hốc mắt sâu có nhử, bụng ỏng, đít vón, gày yếu, thủy thũng xuất hiện ở ngực, ức và ngày càng lan rộng.

b. Các phương pháp điều trị.

- Phương pháp tiêm CCl4 (Tetra Clorua Cacbon) vào bắp thịt.

Hoà 4 - 5 ml thuốc/100 kg trọng lượng trâu, bò với dầu Paraphin lỏng, tỷ lệ 2 vị tương đương nhau. Dùng thuốc tiêm vào bắp thịt ở mông hoặc vùng cơ bắp ngang vai, vùng cơ dưới cổ. Sau khi tiêm có thể chỗ tiêm bị phản ứng, sưng nóng, đau, con vật mệt, kém ăn, phân táo. Nhưng 24 giờ sau sán được tống ra cùng với phân. Tình trạng đó kéo dài tới 3 ngày.

Cách tẩy sán này có hiệu quả khoảng hơn 90%.

- Phương pháp uống Bitin.

Với 25 - 30 ml thuốc Bitin có thể dùng với tỷ lệ 1kg trọng lượng cơ thể trâu bò. Dùng thuốc này, kết quả tẩy sán toàn đàn đạt 62,85 - 80,55%, đảm bảo an toàn cho trâu. Chỉ có 9,42% trâu có hiện tượng ỉa chảy, trâu kém ăn 2 - 3 ngày.

- Phương pháp uống Dertil B.

Dertil B có công thức 2,2' - dihydroxyl - 3,3' - dinitro - 5,5' - dichlordiphenyl

Các liều thí nghiệm dùng cho trâu, bò nước ta là 3, 5, 6, 8 và 9 mg/1 kg trọng lượng. Kết quả của việc uống Dertil B là 100% ra sán toàn đàn, 100% sạch sán và hầu hết không có phản ứng phụ.

- Phương pháp tiêm Dovenix.

Dovenix còn có tên gọi là Nitroxylin, dạng thuốc tiêm do Pháp sản xuất. Dùng thuốc tiêm vào bắp thịt, liều 10 mg cho 1 kg thể trọng cơ thể.

- Phương pháp uống Hexachloroeran (Fasciolin)

Thuốc ở dạng tinh thể, có công thức C_2Cl_6, có mùi giống băng phiến.

Lấy 0,10g cho 1kg trọng lượng cơ thể trâu, bò (nếu con vật 100kg thì liều dùng 10g thuốc) gói lại

cho vào miệng trâu. Tỷ lệ ra sán toàn đàn 100%, tỷ lệ sạch sán 80%. Thuốc dùng an toàn.

3. BỆNH DỊCH TẢ.

Bệch dịch tả ở trâu bò do một số loại virus nhím Muxo gây ra, truyền nhiễm cấp tính, lây lan mạnh, gây tỷ lệ chết cao.

a. Triệu chứng.

- Mắt: Đỏ, nhiều ghèn mủ, dít mí, đờ dẫn.

- Mũi: Ngứa mũi, hay khịt, có mủ, thở dốc có mùi thối.

- Miệng: Chảy dãi thành sợi, có bọt máu, vạch miệng có nhiều vết loét.

- Phân: Táo bón nặng, sau chuyển thành tiêu chảy nghiêm trọng, phân đen lẫn máu, thối khắm đặc biệt.

- Da: Nổi mụn ở miệng, vú, lưng, gây thành những lỗ sẹo.

- Thần kinh: Ở thể cấp tính, bò run rẩy, nghiến răng, lưng cong, nếu ghép với bệnh tụ huyết trùng thì lưỡi lè ra không thụt vào được, chạy như điện.

- Bệnh tích: Đường ruột xuất huyết nặng, gan vàng úa, dễ vỡ.

b. Phòng bệnh.

- Theo định kỳ hàng năm tiêm chủng Vacxin, nuôi ăn tốt, vệ sinh chuồng trại và môi trường.

- Cách ly bò bệnh, tiêu độc kỹ bệnh phẩm và xác chết nếu có.

c. Điều trị.

- Bài 1:

Xuyên tâm liên	30g
Rễ vông vang	12g
Ngải cứu	20g
Hoa hèo	16g
Đình lịch tử	12g

Tất cả sắc kỹ với 2 lần nước, để trâu bò uống.

Bài thuốc này có tác dụng hạ sốt, chống viêm loét đường ruột, gan, xuất huyết nội tạng, giải độc cơ thể.

- Bài 2:

Trắc bá diệp	30g
Cỏ thi	30g
Chỉ thực	20g
Ý dĩ	20g
Tang bạch bì	25g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

- Bài 3:

Sài hồ	30g
Hoàng liên	20g
Cát cánh	16g
Hoàng kỳ	16g
Tri mẫu	12g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

- Bài 4:

Xích thược	20g
Cát kim	30g
Ngô thù du	20g
Đan sâm	16g
Bạch truật	16g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

- Bài 5.

Hoàng bá	10g
Địa du	20g
Đơn bì	20g
Bạch dược	16g
Sa nhân sâm	16g
Quế chi	8g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

Trên đây là những bài thuốc nam đơn giản có thể làm dứt bệnh dịch tả cho trâu, bò. Tuy nhiên muốn đạt hiệu quả cao hơn nữa thì cần dùng phối hợp với thuốc hoá dược như:

- Thuốc nhỏ mắt: Gentamycin hoặc Dexamethason.

- Thuốc tiêm bắp: Teramycin, Chloramyphenicol, Analgin.

Khi sử dụng cần chú ý theo hướng dẫn của thú y.

4. BỆNH TỤ HUYẾT TRÙNG.

Bệnh tụ huyết trùng trâu, bò do trực khuẩn Pasteurella Boviseptica ở bò hay P.Bulalisepica ở trâu gây ra. Bệnh thường lây qua đường tiêu hoá, hô hấp... nhưng nói chung là ít lây lan.

a. Triệu chứng.

- Mắt: Sưng đỏ chuyển sang tái xám, chảy nước mắt.

- Mũi: Chảy nước mũi, đặc hoá mủ, khó thở.

- Miệng: Lưỡi sưng to, lè ra không thụt vào được, ho khan từng cơn, chảy dãi trong.

-Phân: Bụng chướng to, lúc đầu táo bón, sau chuyển sang ỉa thác có máu, thậm chí có khi đái ra máu.

- Da: Sốt cao, có hạch sưng ở sau hầu, bẹn và trước vai.

- Thần kinh: Trâu, bò mắc thể cấp tính trở nên điên loạn, đập đầu vào vách, dãy dụa, run rẩy.

- Bệnh tích: Cuống lưới sưng to, phổi tụ máu.

b. Phòng bệnh.

- Tích cực phòng bệnh tiêm chủng Vacxin, bảo đảm chế độ ăn uống, chăm sóc, vệ sinh chuồng trại và môi trường tốt.

- Cách ly bò bệnh, tiêu độc phẩm, xác chết nếu có.

c. Điều trị.

- Bài 1:

Kim ngân	30g
Bạch cập	20g
Hoàng bá	20g
Ma hoàng	16g
Kinh giới	20g

Tất cả sắc làm 2 lần cho trâu, bò uống. Với liều thuốc như thế có thể dùng cho 1 trâu, bò lớn hoặc 2 con nhỡ. Bài thuốc này có tác dụng ức chế trực khuẩn Pasteurella, hạ sốt, an thần, chống xuất hiện nội tạng.

- Bài 2:

Xuyên tâm liên	30g
Đại thanh diệp	16g
Bồ hoàng	20g

Câu đằng	20g
Đăng tâm	20g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

- Bài 3:

Huyền sâm	30g
Mẫu đơn bì	20g
Tri mẫu	20g
Hoàng liên	25g
Tế tân	20g
Táo bón nhân (sao)	12g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

- Bài 4:

Sinh địa	30g
Cát cánh	20g
Chi tử	16g
Địa cốt bì	25g
Hồi hương	12g
Mộc thông	20g
Ba kích	12g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

- Bài 5:

Xích thực	30g
Hoàng bá	25g
Ngư tinh thả	20g
Thăng ma	20g
Liên tâm	60g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

- Bài 6:

Địa du	30g
Liên kiều	12g
Hạ khô thảo	20g
Trắc bá diệp	25g
Viễn chí	20g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

Chú ý: Khi sử dụng các bài thuốc trên, nên phối hợp với dùng thuốc hoá dược.

- Thuốc nhỏ mũi: Tylosin - Dexamethason

- Thuốc tiêm bắp: Combiocin, Analgin, Tramilin, Colistin; Ka-Ampl...

- Nếu có hiện tượng rối loạn thần kinh thì dùng thêm Phenobabito

- Phổi tụ nhiều máu thì trước tiên cần chọc hút ra, rồi điều trị theo hướng dẫn của bác sỹ thú y.

5. BỆNH LỞ MỒM LONG MÓNG.

Bệnh này do một loại vi rút gây ra, truyền nhiễm cấp tính, lây lan rất nhanh, mạnh và rộng, lây nhiễm cả heo và người.

a. Triệu chứng.

- Mắt: Đau có mủ.

- Mũi: Chảy nước hôi thối, ngạt thở nặng.

- Miệng: Lưỡi dày lên khó lè ra, khó ăn, miệng nóng, có mụn nước ở miệng, lưỡi, chảy dãi, nôn mửa.

- Phân: Ỉa tháo, có máu, mủ.

- Da: Móng chân nóng, sưng đau, loét bong ra, có ngòi. Vú sưng, ứ sữa, mụn ở nhiều nơi như môi dưới, nách, ngực, bụng, âm hộ.

- Thần kinh: Bốn chân nhấc lên bỏ xuống như giã gạo.

- Bệch tích: Móng sưng long ra, loét từ miệng đến ruột, lách sưng đen.

b. Phòng bệnh.

- Bồi dưỡng ăn uống, chăm sóc, vệ sinh chuồng trại và môi trường.

- Khi xảy ra dịch, cần cách ly vùng có dịch, không bán trâu bò sống thịt bệnh ra ngoài.

- Bệnh có thể lây sang cả người chăm sóc nên khi tiếp xúc với trâu, bò bị bệnh cần phải hết sức thận trọng, làm việc cần mang găng tay, khẩu trang, sát trùng dụng cụ.

c. Điều trị.

- Bài 1:

Rễ cách châu	16g
Thạch xương bồ	20g
Hoa hoè	16g
Hoa hồng	20g
Hoàng bá	30g
Đình lịch tử	2g

Tất cả sắc kỹ cho trâu, bò uống.

- Bài 2:

Kim ngân	30g
Hoàng kỳ	20g
Cát cánh	25g
Địa du	20g
Bạch truật	20g

Tất cả sắc kỹ cho trâu, bò uống.

- Bài 3:

Sài đất	30g
Diêu hồ sách	20g
Bạch thược	20g
Qua lâu nhân	16g
Mẫu đơn bì	20g

Tất cả sắc kỹ cho trâu, bò uống.

- Bài 4:

Đỗ trọng	30g
Đương quy	20g
Địa cốt bì	25g
Hoa hồng	12g
Ngưu bàng tử	12g

Tất cả sắc kỹ cho trâu, bò uống.

- Bài 5:

Xích thược	25g
Hoàng liên	30g
Mạch môn	20g
Bạch cập	20g
Uất kim	25g
Thổ phục linh	20g

Tất cả sắc kỹ cho trâu, bò uống,

- Bài 6:

Kim ngân 700g

Ngải cứu 300g

Tất cả nấu kỹ 3 nước, bỏ bã, cô đặc còn 100ml nước cao, đựng trong lọ kín, dùng làm thuốc bôi. Ngày 2 - 3 lần dùng thuốc bôi vào miệng, lưỡi, móng chân, da của trâu bò.

Bên cạnh đó nên dùng kết hợp với thuốc hoá dược sau theo hướng dẫn của thú y:

- Thuốc nhỏ mắt: Gentamycin, Dexamethason

- Thuốc tiêm bắp: Combrocin (Penstiep)...

6. BỆNH LOÉT DA QUẢN TAI.

Đấy là bệnh viêm màng mũi thối loét ở trâu, bò, bên cạnh do một loài Virus gây ra. Sau khi khỏi bệnh, con vật mang nhiều di chứng nặng như mù mắt, viêm đường ruột mãn tính, gày yếu, không thể dùng được vào việc cày kéo.

a. Triệu chứng.

- Mắt: Sưng đỏ, có gày mủ .

- Mũi: Thở dốc, thở ngáy, chảy nước trong rồi đặc lại hoá mủ, thối, có khi có máu.

- Miệng: Lưỡi loét rất đau, chảy dãi nhiều.

- Phân: Lúc đầu táo bón, khi chuyển sang tả thì chết, đái ít, có máu mủ.

- Da: Mụn loét, hoại tử, da rụng từng mảng, tai nhiều sẹo, quăn queo, sốt cao từng cơn, run rẩy.

- Thần kinh: Chân nhấc lên bỏ xuống, liệt hai chân sau, con vật ủ rũ, co giật, động kinh, điên.

- Bệnh tích: Tổn thương nặng ở mũi, phổi, ruột, đường tiết niệu, thần kinh thoái mái.

b. Phòng bệnh.

- Chủ yếu là vệ sinh, chăm sóc, tiêu độc đối với trâu, bò bệnh và môi trường.

c. Điều trị.

- Bài 1:

Rễ vông vang	16g
Dã hoè	20g
Đình lịch tử	16g
Xuyên tâm liên	30g
Câu đằng	20g

Tất cả sắc kỹ trong 2 nước cho trâu, bò uống.

Bài thuốc có tác dụng ức chế Virus, hạ sốt, chống viêm mũi, phổi, ruột, tiết niệu, trợ thần kinh.

- Bài 2:

Hoàng cầm	20g

Huyền sâm	30g
Sinh địa	20g
Hoàng kỳ	20g
Xuyên khung	16g
Cam thảo	16g

Tất cả sắc kỹ cho trâu, bò uống.

- Bài 3:

Địa cốt bì	20g
Tạng bạch bì	20g
Sinh bạch thược	30g
Uất kim	20g
Phục thần	16g

Tất cả sắc kỹ cho trâu, bò uống.

- Bài 4:

Thanh cao	30g
Tri mẫu	16g
Cát cánh	16g
Đan bì	16g
Kim ngân	20g
Cẩu tích	16g

Tất cả sắc kỹ cho trâu, bò uống.

Ngoài ra còn kết hợp các bài thuốc trên với thuốc hoá dược trong điều trị bệnh theo hướng dẫn của bác sỹ thú y.

- Thuốc bôi: Bột lưu huỳnh 100g, nấu tan chảy, thêm bột kim ngân 40g, trộn đều, dùng để bôi 2 - 3 lần một ngày.

- Nhỏ mắt: Bằng thuốc Gentamycin, Dexamethason

- Thuốc tiêm bắp: Chloramphenicol, Analgin.

7. BỆNH UNG THƯ KHÍ THÁN.

Bệnh này so các loại trực khuẩn yếm khí gây ra, con vật mắc bệnh ở thể quá cấp tính có thể gây chết đột ngột.

a. Triệu chứng:

- Mắt: Bình thường.

- Mũi: Sùi bọt, khó thở.

- Miệng: Lưỡi lè ra, ăn kém.

- Phân: Bí ỉa, bí đái.

- Da: Xung quanh các vùng ở cổ, vai, lưng bụng, đùi, mông nổi các ung sinh chứa hơi, ấn vào thấy lạo sạo, xung quanh ung thũng nước, có khi vỡ, chảy máu mủ.

- Thần kinh: Ở thể quá cấp chướng bụng, lòi phân, thể cấp tính thấy ung nề.

- Bệnh tích: Xác có mùi bơ thối, thậm thối.

b. Phòng bệnh:

- Tích cực sử dụng Vác xin phòng bệnh trong vòng 1 năm.

- Nếu có bò bệnh chết, cần phải tiêu độc rồi chôn ở độ sâu từ 1,5 - 2m, tuyệt đối không bỏ thối ngoài gò bãi.

c. Điều trị:

- Bài 1:

Kim ngân	30g
Lá vôi	30g
Rễ xuyên tiêu	16g
Rễ nhàu	16g
Cát căn	20g
Cam thảo đất	16g

Tất cả sắc kỹ thành 2 nước cho trâu, bò uống.

Tác dụng: Ức chế trực khuẩn gây bệnh, chống tạo ung nề, giải độc cơ thể.

- Bài 2:

Sen cạn	30g
Củ thêm nam tinh	16g
Trư linh	20g
Thiên ma	20g
Cương tàm	12g
Hoàng liên	30g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

- Bài 3:

Tô mộc	16g
Hoàng kỳ	30g
Phòng phong	20g
Bạch chỉ	10g
Khương hoạt	20g
Thổ phục linh	20g

Sắc kỹ cho trâu, bò uống.

Bên cạnh đó, nên dùng phối hợp với thuốc hoá dược.

- Tiêm bắp: Amoxilin, Lincomycin, Tylosin, Spriamycin... theo hướng dẫn của bác sỹ thú y.

8. BỆNH ĐỘC THỊT.

Độc thịt là tình trạng trâu, bò bị liệt hệ thống thần kinh, liệt họng, lưỡi, hàm, mắt trương lực cơ.

a. Triệu chứng:

- Mắt: Liệt mi trên.
- Mũi: Thở dốc.
- Miệng: Liệt hàm không nhai được , lưỡi lè ra, chảy dãi nhiều.
- Phân: Lúc đầu táo bón, sau chuyển sang ỉa lỏng như dịch tả.
- Thần kinh: Mất tiếng, liệt phần cổ và chân
- Bệnh tích: Phù phổi, não xung huyết.

b. Phòng bệnh:

- Vệ sinh chuồng trại thường xuyên, tránh không cho bò, trâu ăn các thức ăn nhiễm khuẩn. nước bẩn nhiễm khuẩn.

c. Điều trị:

- Bài 1:

Hạt đỗ ván trắng sống 10g

Bột than hạt đỗ ván 20g

Tất cả sắc kỹ 2 nước uống trong 2 lần, liên tiếp 5 - 7 ngày.

Bài thuốc có tác dụng giải độc tố trực khuẩn yếm khí gây bệnh.

- Bài 2:

Củ riềng thái mỏng	16g
Cam thảo đất	30g

Tất cả giã nát, sắc cho con vật uống.

Đồng thời phối hợp với dùng thuốc hoá dược để tiêm bắp như: Thiamphenicol, Timulin, Tylosin, Spriramycin, Lincomyan.

Nhìn chung các bệnh của trâu, bò thường gặp đều rất nguy hiểm, đòi hỏi người nuôi phải hết sức thận trọng trong việc phòng và trị bệnh cho vật nuôi. Khi điều trị các bệnh trâu, bò tốt nhất nên kết hợp giữa dùng thuốc nam với dùng hoá dược theo hướng dẫn của thú y. Làm tốt công tác phòng và trị bệnh, người nuôi sẽ hạn chế được một cách tối đa những rủi ro có thể xảy ra cho vật nuôi của mình.

II. CÁC BỆNH THƯỜNG GẶP Ở LỢN

Cũng như trâu, bò, lợn thường mắc phải những chứng bệnh nguy hiểm có ảnh hưởng nghiêm trọng tới hiệu quả của việc chăn nuôi. Để tránh những thiệt hại có thể xảy ra với những người chăn nuôi, xin giới thiệu cách phòng và trị một số bệnh thường gặp ở lợn.

1. BỆNH PHÓ THƯƠNG HÀN.

Bệnh phó thương hàn ở lợn là bệnh truyền nhiễm do chủng vi khuẩn Salmonella choleras (thể cấp tính) và S.typhis suis Voldagsen (thể mãn tính) gây ra. Bệnh này tác động chủ yếu đến bộ máy tiêu hoá gây viêm dạ dày và ruột, có mụn loét ở ruột, ỉa chảy và chết do kiệt sức.

Lợn ở các lứa tuổi đều có thể mắc bệnh, nhưng bệnh nặng và phổ biến là ở lợn con từ 2 - 4 tháng tuổi. Lứa lợn này bị bệnh chết tỷ lệ cao từ 50 - 80%. Những con chữa khỏi thường có di chứng còi cọc, chậm lớn.

a. Triệu chứng:

- ***Thể cấp tính:*** Sốt cao 40 - 41°C, lợn run lẩy bẩy, không ăn, đi tả, nằm một chỗ, lợn chết trong vài ngày.

- ***Thể mãn tính:*** Bắt đầu sốt, ủ rũ, đợt sốt đầu kéo dài 1 tuần, sau đó lại hết sốt, rồi lại tiếp tục sốt. Da có những mảng đỏ, bong vẩy, đi tả liên miên, thối khắm. Con vật gầy yếu dần, có khi có biến chứng ở phổi. Lợn thường chết từ mấy ngày đến mấy tuần lễ.

Cũng có thể dựa vào những triệu chứng bộ phận để xác định bệnh phó thương hàn cho lợn như:

- Mắt: Ngoài trừ trường hợp một số con mắt đỏ, tụ máu (do sốt cao) còn lại đa số mắt vẫn bình thường.

- Mũi: Khô ráo, không chảy nước.

- Miệng: Có con nôn mửa.

- Phân: Những ngày đầu táo bón, không đi ỉa ra viên, cục cứng. Cuối kỳ bệnh một số con vẫn tiếp tục táo bón, còn số khác chuyển sang tiêu chảy, phân vàng nhạt, loãng, thối, có khi có máu do xuất huyết đường ruột.

- Bệnh tích: Ruột xuất huyết, có thể loét, nếu bị thủng thì chết mau, gan lách sưng to, dai, đau đớn.

b. Phòng bệnh:

- Cách phòng bệnh tốt nhất là tiêm Vacxin chống phối thương hàn khi lợn còn bé khoảng 20 ngày tuổi.

Với lợn cai sữa phải tiêm 2 lần, mỗi lần cách nhau 1 tuần. Liều lượng lần 1 - 4,5 ml/con, lần 2 - 2 ml/con. Nơi có dịch bệnh phải tiêm phòng 3 lần, mỗi lần cách nhau 10 ngày. Lần 1 - 3 ml/con, lần 2 - 4 ml/con, lần 3 - 5 ml/con.

- Có thể dùng Vacxin giảm độc gồm 2 chủng Salmonella B và C. được giảm độc qua cộng sinh với B Subtilis, mỗi ml chứa 3 tỷ vi trùng. Lợn dưới 10kg tiêm 2 ml/lần dưới da, lợn trên 30kg tiêm 3ml.

- Bảo đảm chế độ ăn uống, chăm sóc, vệ sinh tốt. Thường xuyên cho lợn ăn các dược tính ức chế khuẩn Salmonella như:

Cách 1:

Lá lốt	50g
Lá xoài	20g

Sắc kỹ, trộn vào thức ăn cho heo. Tuỳ thuộc vào độ tuổi của lợn mà giảm dần liều thuốc cho phù hợp.

Cách 2:

Lá ngải cứu	30g
Lá sả	50g

Tất cả sắc cho lợn ăn.

Cách 3:

Lá thông	30g
Lá tràm	30g

Tất cả sắc lên làm thuốc cho lợn ăn.

c. Điều trị:

- Bài 1:

Xuyên tâm liên	16g
Kim ngân	12g
Trắc bá diệp	16g
Ngải cứu	12g

Tất cả sắc kỹ trong 2 nước cho lợn uống hoặc trộn vào thức ăn.

- Bài 2:

Lá sen cạn	20g
Lá chó đẻ	50g

Lá tràm	20g
Tô mộc	12g

Tất cả sắc kỹ cho ăn hoặc uống.

Đồng thời phối hợp điều trị bằng thuốc tây như:

- Cho uống kháng sinh Sulfaganidin, Ganidan, Chlorocid với liều lượng:

Lợn từ: 5 - 10 kg uống 1g/ngày

10 - 20 kg uống 2g/ngày

21 - 50 kg uống 4g/ngày

Trên 50 kg uống 10g/ngày

Uống trong 3 ngày liên tiếp, sau đó trong 2 ngày tiếp theo giảm xuống còn 1/2 liều.

- Thuốc tiêm bắp: Gentamycin tylosin, Gentamycin - Septotryl, Chloramphenicol - Analgin, Colistin - Tiamutin...

- Thuốc trợ tim (tiêm bắp): Long não nước, cafhein.

- Thuốc trợ sức: Strychnin, Canxibecovit...

2. BỆNH TỤ HUYẾT TRÙNG.

Bệnh này do cầu trực khuẩn Pasteyrella multocida tác động đến bộ máy hô hấp gây thuỷ phế viêm. Bệnh thường xảy ra đầu và cuối mùa mưa và thường đi kèm

với dịch tả lợn, phó thương hàn hoặc viêm phổi truyền nhiễm do virus.

a. Triệu chứng:

- Lợn bỏ ăn, sốt trên 40°C, khó thở, nhịp thở gấp và khò khè. Ho khan từng tiếng hay co rút toàn thân, hầu sưng to, có thuỳ thũng. Cổ, cằm sưng to, lùng nhùng, hàm cứng. Trên vùng da mỏng (tai, mõm, hông, bụng) nổi những nốt đỏ hoặc tím bầm.

Ở thể cấp tính, lợn bỏ ăn, chỉ uống nước. Cổ sưng phù, khó thở, vi trùng vào máu có thể gây chết trong vòng vài giờ.

Ở thể mãn tính, lợn bị viêm phổi nhẹ, sốt, bỏ ăn, khó thở, sưng khớp (nhất là khớp đầu gối), da đỏ từng mảng, lợn yếu dần rồi chết sau 5, 6 ngày.

b. Phòng bệnh:

- Tiêm phòng Vacxin tụ huyết trùng (keo phèn).

Với lợn dưới 30 kg tiêm 3 ml/con

Trên 50 kg tiêm 5 ml/con

Hiệu quả phòng bệnh khoảng 75%.

- Đảm bảo chế độ ăn uống, chăm sóc, vệ sinh vật nuôi chuồng trại và môi trường tốt.

- Uống thuốc phòng bệnh.

+ Kim ngân 20g, mã đề 50g. Tất cả sắc kỹ, trộn với thức ăn cho lợn.

+ Diếp cá 100g, rau ngót 50g, nấu chín cho ăn

+ Lá bọ mắm 100g, rau má 50g, nấu chín cho ăn.

c. Trị bệnh:

- Bài 1:

Cỏ mực	16g
Xuyên tâm liên	16g
Tang bạch bì	12g
Lá kim giao	12g
Quyển bá xanh lục	16g.
Ý dĩ	12g

Tất cả sắc kỹ 2 nước cho 2 lần uống.

- Bài 2:

Kim ngân	20g
Huyền sâm	12g
Hoa hoè	8g
Bách bộ	16g
Bối mẫu	12g
Cam thảo	8g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

- Bài 3:

Ngải cứu	20g
Kim ngân	16g
Hoàng đăng	16g

Sen cạn	16g
Quế chi	4g

Sắc kỹ cho uống.

- Bài 4:

Kim ngân	20g
Địa du	12g
Địa cốt bì	16g
Hậu phác	12g

Sắc kỹ cho uống.

Bài thuốc này có tác dụng trị bệnh tụ tuyết trùng nhưng có kèm theo triệu chứng của bệnh phó thương hàn.

- Bài 5:

Kim ngân	20g
Xích thược	12g
Trắc bá diệp	16g
Quế chi	4g

Sắc kỹ cho uống sẽ có tác dụng điều trị bệnh tụ huyết trùng có kèm theo cúm.

Ngoài ra, nên điều trị kết hợp với thuốc hoá dược thú y như:

- Dùng Pennicilli và Streptomycine tiêm nhiều lần trong ngày, cách nhau 4 giờ. Mỗi ngày dùng từ 1 - 2 lọ Pennicilli 500.000 UI và 1 lọ Streptomycin 1g cho

lợn từ 30 - 40kg. Tiêm trợ lực thêm VitaminC hay Cafê'in.

3. BỆNH DỊCH TẢ LỢN.

Dịch tả do Virus dịch tả gây ra, lây lan rất mạnh làm chết nhiều lợn. Bệnh này thường kéo theo bệnh tụ huyết trùng và bệnh phó thương hàn.

a. Triệu chứng:

Thời gian ủ bệnh kéo dài từ 4 - 8 ngày, cũng có thể lâu hơn, xuất hiện 3 thể.

- Thể cấp tính: Bệnh phát nhanh chóng, lợn chê cám, ủ rũ, sốt 40 - 42°C. Da bẹn, da dưới bụng ở vành tai có chỗ đỏ lên rồi tím đen lại. Lợn lên cơn giãy giụa, co giật rồi chết. Ở thể này bệnh tiến triển trong 1 - 2 ngày, tỷ lệ chết đến 100%.

- Thể cấp tính: Lợn ủ rũ, biếng ăn hoặc bỏ cám, sợ ánh sáng. hai, ba ngày sau lợn sốt nặng 41 đến 42°C trong 4 - 5 ngày liên tiếp. Khi thân nhiệt hạ xuống là lợn gần chết.

Lợn ốm. thở gấp, khát nước nhiều, chỗ da mỏng nhất là bẹn có những chấm đỏ bằng đầu đinh ghim, hạt đậu. Có khi đám xuất huyết phát triển thành những mảng lớn. Sau đó những nốt đỏ dần tím lại, có thể thối loét ra, bong vẩy. Mắt có dử trắng che lấp. Lúc đầu lợn bí đái, phân rắn, sau ỉa chảy nặng. có khi ra cả máu tươi. Phân có mùi khắm, hôi thối đặc biệt. Niêm

mạc mũi viêm, chảy mủ đặc, có khi loét vành mũi. Có con lên cơn co giật hoặc bại liệt 2 chân sau, đi chệnh choạng, đầu vẹo. Lợn gày tọp, nằm bẹp, co giật rồi chết.

Nếu đi kèm với bệnh phó thương hàn thì có triệu chứng ỉa chảy nhiều, tháo dạ kéo dài, phân rất khắm hoặc có thể đi táo, sờ bụng thấy những cục sưng không đều, do sưng hạch.

Nếu đi kèm với bệnh tụ huyết trùng thì có triệu chứng viêm phổi hoặc viêm màng phổi, do ở mõm, tai, cổ, bụng có những mụn màu đỏ, xanh, có mủ, hoại tử ở tai và đuôi.

- Thể mãn tính: Lợn gày, lúc đi táo, lúc ỉa chảy, lợn ho khó thở, trên vùng da ở lưng, sườn có những vết đỏ, có khi loét ra từng mảng. Bệnh kéo dài 1 - 2 tháng, lợn chết do kiệt sức, nếu khỏi cũng gày còm, mặc dù đã miễn dịch nhưng vẫn có thể truyền Virus tận 3 tháng sau.

b. Phòng bệnh:

- Đối với bệnh này phòng bệnh là phương pháp chủ yếu vì khi đã mắc bệnh hầu như không có thuốc chữa dứt hẳn. Cách phòng bệnh tốt nhất là tiêm Vacxin ngừa dịch tả, lợn con đẻ ra được 20 ngày phải tiêm 1 lần, lần 2 tiếp theo là khi cai sữa, xuất chuồng. Lợn nái tiêm phòng trước khi phối giống. Vacxin dùng để tiêm là loại dịch tả đông khô (mỗi chai 40

liều hoà với 40°C nước sinh lý mặn hoặc nước cất, lắc đều, tiêm sau tai với liều lượng 1 ml. Thuốc này chỉ phát huy tác dụng sau 7 ngày. Trong thời gian đó không dùng kháng sinh cho lợn. Một năm tiêm 2 lần Vacxin.

- Bảo đảm chế độ ăn uống, chăm sóc, vệ sinh chuồng trại và môi trường.

- Cho lợn ăn: Kim ngân 20g, ngải cứu 12g. Sắc kỹ trộn vào thức ăn.

c. Điều trị:

- Bài 1:

Trắc bá diệp	20g
Hoa hoè	12g
Ngải cứu	16g
Kim ngân	16g
Bạch cập	12g

Tất cả sắc kỹ 2 nước cho 2 lần uống.

- Bài 2:

Nhân trần	16g
Đương quy	12g
Ngưu tất	12g
Xích thược	16g
Đan xâm	12g

Sắc kỹ cho uống.

- Bài 3:

Sinh địa	16g
Xuyên khung	12g
Hồng hoa	8g
Cát cánh	12g
Ngải diệp	16g

Sắc kỹ cho lợn uống.

Đồng thời phối hợp với dùng thuốc hoá dược như:

- Thuốc tiêm bắp: Actinomycin, Septotryl và Vitamin PP theo hướng dẫn của thú y.

Tuy nhiên cũng cần chú ý các bài thuốc trên chỉ có tác dụng ngăn chặn mầm bệnh phát triển, còn không thể dứt hẳn. Vì vậy, người nuôi cần phải quan tâm hơn nữa tới công tác phòng bệnh.

4. BỆNH LỢN ĐÓNG DẤU.

Bệnh này gây xuất huyết, viêm da, ruột, thận, toàn thân bại huyết, niêm mạc xuất huyết và lá lách sưng to.

a. Triệu chứng:

Có thể dựa vào những triệu chứng bộ phận sau để xác định bệnh của lợn.

- Mắt: Đỏ, sưng chảy nước mắt.
- Mũi: Thở hổn hển, hồng hộc, chảy nước mũi.
- Miệng: Lợi bị loét, nôn mửa, bỏ ăn.

- Phân: Táo bón, sau chuyển sang tiêu chảy, lỵ ra máu.

- Da: Các mụn đỏ nổi lên tạo hình dấu son từng mảng, có bờ rõ rệt (tròn, vuông, oval). Phần da trong đầu đầy cộm, mất cảm giác, lông rụng.

- Thần kinh: Ở thể cấp tính heo ủ rũ, hôn mê, ở thể mãn tính lợn bị liệt hai chân sau.

- Bệnh tích: Lách sưng to, van tim sợ cứng.

b. Phòng bệnh:

- Tiêm phòng Vacxin ngừa bệnh đóng dấu, có thể dùng 1 trong 2 loại Vacxin sau:

- Vacxin keo phèn tiêm với liều: Lợn dưới 25 kg dùng 3 ml, lợn trên 25 kg dùng 5 ml. Thuốc có tác dụng sau 21 ngày.

- Vacxin nhược độc đóng dấu 2, dùng để tiêm dưới da với liều: Lợn dưới 40 kg dùng 0,5 ml, lợn trên 40 kg dùng 1 ml.

Với loại Vacxin này, khi sử dụng không được dùng kèm theo thức ăn, nước uống có kháng sinh. Phải đợi khi thuốc có hiệu lực mới chuyển sang dùng kháng sinh (nếu có).

- Tăng cường vệ sinh chuồng trại, bảo đảm chế độ ăn uống cho lợn, nhất là khi trời quá lạnh hoặc quá nóng.

c. Chữa bệnh:

- Bài 1:

Kim ngân	16g
Hồng hoa	12g
Xuyên tâm liên	16g
Hoa hoè	12g
Quế chi	4g

Tất cả sắc kỹ 2 nước cho lợn uống hoặc trộn vào thức ăn cho lợn.

- Bài 2:

Huyền sâm	16g
Địa thanh diệp	12g
Bạch thược	12g
Đương quy	12g
Địa cốt	12g

Sắc kỹ cho uống.

- Bài 3:

Sinh địa	16g
Bồ công anh	20g
Xích thược	12g
Khương hoạt	12g
Chi tử	12g

Sắc kỹ cho uống.

Có thể phối hợp dùng thuốc kháng sinh rất có hiệu lực.

- Dùng Penicillin 10.000 UI cho 1 kg lợn hơi, Streptomycin 10 - 30mg cho 1 kg lợn hơi. Ngoài ra có thể tiêm hỗ trợ Vitamin C hay Motropin để giải độc máu.

- Tắm xà phòng: Dùng nước ấm, xát xà phòng nổi bọt khắp cơ thể lợn. Sau 1 giờ rửa sạch bằng nước ấm, ngày tắm 2 - 3 lần.

5. BỆNH LỞ MỒM LONG MÓNG.

Đây là loại bệnh truyền nhiễm cấp tính ở lợn, lây lan rất nhanh, rất rộng.

a. Triệu chứng:

- Bệnh tích:

Trạng thái bệnh của lợn phụ thuộc vào chủng Virus gây bệnh và sức đề kháng của lợn. Khi Virus xâm nhập vào niêm mạc miệng tạo ra các mụn nhỏ ở miệng, ở lưỡi, xung quang mày chân. Virus cũng vào máu, phát triển ra các niêm mạc đường hô hấp, nhất là các tế bào của biểu bì vùng họng.

- Lâm sàng:

Các mụn nhỏ, xuất hiện ở miệng, mọng nước, sau bị vỡ ra, có màu đỏ, xám, có phủ lớp bựa. Nhiệt độ cơ

thể tăng 41 - 43°C, ở quanh móng chân mọc các mụn loét giống như ở miệng. Nếu là con cái thì mụn loét ở quanh núm vú, bệnh nặng có hiện tượng loét dạ dày và nhiễm khuẩn thứ phát.

b. Phòng trị:

- Không có thuốc điều trị đặc hiệu cho bệnh, ngoài kháng huyết thanh. Tuy nhiên sử dụng loại này rất tốn kém, chỉ dùng cho những giống lợn quý ở các giai đoạn đầu bệnh.

- Điều trị các triệu chứng và trợ sức cho súc vật.

+ Có thể dùng 1 trong các dung dịch sau để rửa vết loét: Fomol 1%, thuốc đỏ 1%, acid acetic 2%. Hoặc cũng có thể dùng các vị thuốc sau: Nước lá ổi sắc đặc 500 ml, phèn xanh 50g, nghệ 50g, bột Sunfamit 150g. Tất cả tán nhỏ, hoà với nhau bôi vào vết loét, rồi dùng bột Sunfamit rắc lên.

+ Trợ sức cho lợn bằng tiêm: Cafe'in hoặc long não nước, B1, C, Vitamin AD...

- Điều trị viêm nhiễm thứ phát do vi khuẩn bằng thuốc kháng sinh Ampixillin 500 mg/lọ với liều lượng 20 mg/1kg trọng lượng cơ thể lợn trong 1 ngày. Dùng liên tục trong 4, 5 ngày. Hoặc Kanamycin 1g/lọ với liều 20 mg/1kg trọng lượng cơ thể trong 1 ngày. Dùng liên tục 4 - 5 ngày.

6. BỆNH CÚM LỢN.

Do siêu vi trùng gây nên, bệnh lây mạnh, có thể gây chết nhiều lợn con, khoảng dưới 2 tháng tuổi.

a. Triệu chứng:

Lợn ho và sốt 40 - 41°C trong 3 - 5 ngày, bỏ ăn, sau 1, 2 ngày viêm mắct cata, viêm mũi cata, khoé mắt có vẩy khô, chảy nước nhầy trong và đục, có khi lẫn cả máu. Bệnh kéo dài gần chục ngày rồi hết. Tỷ lệ chết có thể lên đến 60%, nhưng rất hiếm, đa số chỉ khoảng 1 - 4 %.

b. Phòng bệnh:

- Luôn bảo đảm cho chuồng trại ấm và thoáng khí, không để cho lợn bị lạnh.

- Tiêu độc chuồng trại, máng ăn, máng uống bằng vôi hoặc sút 3%.

c. Trị bệnh:

- Bài 1:

Trắc bá diệp	20g
Diếp cá (khô)	30g
Xạ can	12g
Quế chi	6g

Tất cả sắc kỹ 2 nước cho lợn uống hoặc trộn trong thức ăn.

- Bài 2:

Sài hồ	16g
Ma hoàng	12g
Nha đảm tử	12g
Xích thược	16g

Sắc kỹ cho uống.

- Bài 3:

Địa du	12g
Xuyên tâm liên	20g
Thạch cao	20g
Sinh địa	12g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

Ngoài ra có thể kết hợp với dùng thuốc tây để điều trị.

Hỗn hợp Pennicilin và Streptomycin với liều cao, tiêm cách nhau 4 giờ 1 lần, hoặc Auréomycin 20 mg/kg thể trọng/ngày.

7. BỆNH PHÂN TRẮNG Ở LỢN.

Đây là một hội chứng hoặc một trạng thái lâm sàng đa dạng. Lợn con mắc bệnh bị viêm dạ dày, ruột, đi tả, gày sút nhanh chóng, bệnh xuất hiện từ những ngày đầu sau khi sinh và suốt trong thời kỳ bú mẹ. Bệnh có quanh năm, nhiều nhất là cuối đông xuân.

a. Triệu chứng:

- Thể gây chết nhanh: lợn từ 4 - 15 ngày tuổi thường mắc thể này. Sau 1 - 2 ngày đi phân trắng, lợn gầy sút rất nhanh. Lợn bú kém rồi bỏ hẳn, đi đứng siêu vẹo, niêm mạc mắt nhợt nhạt, 4 chân lạnh, phân từ ỉa nát, loãng đến đi kiết. Màu phân từ xanh đen biến thành xám tro rồi màu trắng đục, mùi tanh, khắm. Bệnh kéo dài 2 - 4 ngày, trước lúc chết quá suy nhược, co giật hoặc run rẩy. Tỷ lệ chết khoảng 50 - 80%.

- Thể kéo dài: Lợn được 20 ngày tuổi thường rơi vào thể này, bệnh kéo dài từ 7 - 10 ngày, trong thời gian này lợn vẫn bú nhưng dần kém đi, phân có màu trắng đục, hơi vàng. Có con lợn mắt có quầng thâm, niêm mạc nhợt nhạt. Nếu không chữa khỏi lợn sẽ chết sau vài tuần bị bệnh.

Những lợn từ 45 - 50 ngày tuổi có thể ỉa phân trắng, vẫn hoạt động bình thường, ít bị chết nhưng nếu kéo dài sẽ còi cọc, gầy sút.

Nói chung dù lợn mang bệnh có ở lứa tuổi nào thì khi ỉa phân trắng thân nhiệt cơ thể đều thay đổi, rất thấp. Trường hợp cá biệt có thể cao đến 40,5 - 41°C, nhưng chỉ sau một ngày lại xuống thấp.

Phân lỏng, màu trắng như vôi, trắng xám màu xi măng hoặc hơi vàng. Đôi khi trong phân có bột hoặc lổn nhổn như vôi, cá biệt có lẫn máu. Mùi phân tanh.

Bụng lợn hơi chướng, nếu bệnh kéo dài thì bụng tóp lại. Lông xù, đuôi rũ, đít dính phân, 2 chân sau dúm lại, run lẩy bẩy. Đặc biệt lợn uống rất nhiều nước.

b. Phòng bệnh:

- Cách phòng bệnh tốt nhất là bảo đảm đủ dinh dưỡng cho nái mẹ mang thai, chống lạnh cho lợn con.

- Tiêm Vitamin ADE vào ngày thứ 4 sau khi sinh. Vitamin B12 vào các ngày thứ 7, 14, 21. Tăng cường cho lợn con ăn dặm từ sau ngày 14 trở đi.

- Cho uống: Hương nhu 30g, ngải cứu 16g, kim ngân 20g. Tất cả sắc kỹ cho lợn uống. Liều lượng trên có thể dùng được cho 10 con lợn con.

c. Điều trị:

- Bài 2:

Lá lốt	30g
Ngải cứu	20g
Lá sả	30g
Lá xoài	20g

Sắc kỹ cho khoảng 10 con lợn con uống trong 1 lần.

- Bài 2:

Cây ba chế	20g
Chó đẻ răng cưa	30g
Lá hẹ	30g
Hương nhu	16g

Sắc kỹ cho 10 con lợn con uống trong 1 lần, ngày uống 2 - 3 lần, uống liên tiếp từ 3 - 5 ngày.

- Có thể kết hợp dùng thuốc hoá dược như sau:

Chloramphenicol - 50 mg/1 kg trọng lượng của lợn.

Tetrecyclin - 50 mg/1 kg trọng lượng của lợn.

Neomycin - 50 mg/1 kg trọng lượng của lợn.

Purafolidon - 30 mg/1 kg trọng lượng của lợn.

Biomycin - 50 mg/1 kg trọng lượng của lợn.

Sử dụng 1 trong các loại kháng sinh trên trong 3 - 4 ngày liên tiếp cho đến khi lợn hết triệu chứng ỉa phân trắng thì thôi.

Ngoài ra, cũng có thể dùng một số kháng sinh có nguồn gốc thảo mộc như: Palinatin, Beeberin 20 mg/lợn con cũng đạt hiệu quả điều trị khoảng 50 - 80%.

8. HỘI CHỨNG SUY DINH DƯỠNG.

Do không cung cấp đủ các chất dinh dưỡng như đạm, đường, chất béo, các loại Vitamin và các nguyên tố vi lượng, lợn rất dễ bị rơi vào tình trạng suy dinh dưỡng. Lợn bị hội chứng này thường giảm từ 10 - 15% trọng lượng so với lợn bình thường.

a. Triệu chứng :

- Giai đoạn suy dinh dưỡng theo mẹ: Lợn còi cọc, lông dựng đứng, đi lại khó khăn, bú yếu, giảm sức chống đỡ bệnh tật, niêm mạc mắt, mồm trắng nhợt.

- Giai đoạn tách mẹ: Lợn còi cọc, ăn yếu, phù thũng, sưng đầu, liệt chân, tăng trọng chậm.

b. Phòng và trị bệnh:

- Tiêm Dextran Fe cho lợn con 2 ngày tuổi và tiêm lại khi đã được 15 ngày tuổi. Mỗi lần tiêm khoảng 1cc/con.

- Bổ sung nguyên tố đa vi lượng, dầu cá vào khẩu phần thức ăn cho mỗi con lợn trong 1 ngày với liều lượng:

Sunfat đồng = 5 - 10 mg

Chloruamagie = 3 - 5 mg

Dầu cá = 5 - 10g

Chloruacoban = 2 - 4 mg.

- Tiêm Vitamin E vào bắp với liều 1 ml. Cách 1 ngày tiêm 1 lần trong liên tiếp 1 tuần.

- Tiêm dung dịch Glucose 40% vào thành khoang bụng cho lợn con từ 2 - 7 ngày tuổi với liều 5 - 10^{oc}. Lợn còi cọc thì tiếp thêm 1 lần nữa từ 10 - 20^{oc}.

- Chăm sóc và nuôi dưỡng lợn nái tốt. Tập cho lợn con ăn sớm và định kỳ tẩy giun sán cho lợn.

9. BỆNH SÁN LÁ RUỘT.

Do một loại sán lá ký sinh trùng ở ruột gây nên làm cho lợn còi cọc, thiếu máu, suy nhược cơ thể, tăng trọng thấp.

a. Triệu chứng:

- Lợn gày còi cọc, ăn khoẻ nhưng không tăng trọng, lợn nái bị giảm sữa, lợn ỉa chảy, phân tanh, có thể tử vong.

Niêm mạc ruột non bị loét và tụ máu.

b. Phòng bệnh:

- Vệ sinh môi trường, diệt trứng sán trong phân. Định kỳ tiêu độc chuồng trại bằng nước vôi 10%, Dipterex 1% để diệt mầm bệnh.

- Dùng nước vôi 5 - 10% Sunfat đồng để diệt ốc và ký chủ trung gian trong tự nhiên.

- Chăm sóc, nuôi dưỡng lợn tốt, rau xanh cho lợn ăn phải rửa sạch.

c. Trị bệnh:

- Dùng 0.2g Dipterex/1kg trọng lượng của lợn, hoà vào thức ăn cho lợn ăn. Chú ý không được cho ăn quá liều vì lợn sẽ bị say thuốc. Hiệu quả của việc dùng thuốc có thể tẩy sạch sán khoảng 80 - 100%.

10. BỆNH GẠO LỢN.

a. Triệu chứng:

- Lợn bị bệnh không có biểu hiện khác thường gì ra ngoài. Ngoại trừ trường hợp bị bệnh gạo nặng, có thể có hiện tượng bại liệt lưỡi, hàm dưới (các cơ ở lưỡi, ở miệng có nhiều hột như hột gạo), ruột gan bị viêm, đi lại khó khăn. Khi ấu trùng quá nhiều dẫn đến trình trạng lợn bị kiệt sức và chết.

b. Phòng và trị bệnh:

- Trường hợp này phòng bệnh là chính: Không nuôi lợn thả rông, khám kỹ và xử lý đúng mức thịt lợn gạo theo quy định của thú y.

11. BỆNH SỐT SỮA LỢN NÁI.

Sau khi đẻ, lợn nái mất sữa dần, vú teo cứng lại, lợn mẹ không có sữa, tê liệt nằm một chỗ đến khi chết.

a. Triệu chứng :

- Sau khi sinh khoảng 4, 5 ngày, đột nhiên lợn bỏ ăn, đi lại không vững, hay ngã, hay nằm, mắt lim dim, bị tê liệt ở một vài vùng thân, bắp thịt giật lia lịa. 2 chân sau cứng, lợn mê man mất cảm giác đau. Lưỡi lè ra, bàng quan, ruột ngừng hoạt động. Mũi khô, da tái, 4 chân lạnh, thân nhiệt hạ dưới mức bình thường. Vú

căng nhưng vắt không ra sữa. Nếu không điều trị kịp thời, sau vài ngày lợn nái sẽ chết.

b. Điều trị:

- Nếu do sót rau mà bị sốt, thì tiêm tĩnh mạch Gluconat canxi 10%, với liều 20 ml/con hoặc Oxytilon 10 - 20 UI/con hoặc tiêm bắp Ergotin 0,3 - 0,5 mg/con.

- Nếu viêm tử cung ra nước nhờn, mùi hôi thối thì thụt rửa tử cung bằng thuốc tím hay Rivanlo 1 phần vạn hoặc đặt vào tử cung Chloranlo 4 viên/ngày.

Thử máu, nếu thiếu canxi thì tiêm tĩnh mạch Gluconat canxi 10% với lượng 20 - 40ml tuỳ lợn nái lớn nhỏ.

- Nếu bệnh do thiếu Vitamin C thì tiêm huyết thanh ngọt 200 ml + Vitamin C 5 ml/ngày/con.

Nếu vú đã trở lại bình thường mà vẫn ít sữa thì tiêm Thyrosin để thúc đẩy chất đạm biến thành sữa. Liều dùng 1 ml/ngày/con. Mỗi ngày tiêm 1 lần.

12. BỆNH LỢN KHÓ ĐẺ.

a. Triệu chứng:

- Nước ối chảy ra có lẫn màu đỏ, sau 2 - 3 giờ rặn đẻ, thai vẫn không ra, hoặc thai ra nửa chừng không ra hết.

b. Cách chữa:

- Tiêm Oxytoxin 10 - 15 đơn vị/lần. Sau 30 phú tiêm lần 2. Nếu thai vẫn chưa ra được thì bơm vào t cung 100 ml dầu nhờn (dầu lạc, đỗ tương). Nếu cầ thiết cho tay vào tử cung (sau khi đã rửa sạch và sá trùng cẩn thận) cho ngón tay trỏ vào miệng lợn con ngón tay cái bấm miệng lợn con kéo ra cùng đợt rặn đẻ của lợn mẹ. Trường hợp nặng phải mổ thì phải mời bác sỹ thú y.

13. LỢN MẸ ĂN CON, CẮN CON SAU KHI ĐẺ.

Cách trị:

- Xoa tay lên bụng lợn mẹ, xoa nhẹ nhàng và nhiều lần.

- Cho lợn con bú lúc bầu sữa căng.

- Lợn mẹ cắn con thì cho uống thuốc ngủ hoặc tiêm Aminagin 50 mg từ 2 - 3 ống 1 lần.

- Cho lợn mẹ ăn đủ đạm.

14. BỆNH NGỘ ĐỘC DO THỨC ĂN.

Bệnh này do thức ăn có chứa độc tố của Clostridium botilinum là loại vi khuẩn có nhiều trong thiên nhiên và hoạt động trong xác động vật.

a. Triệu chứng:

Sau khi ăn phải thức ăn ôi thiu, lợn suy yếu, bỏ ăn, chân sau yếu, xuất huyết hậu môn, lợn run rẩy, gục đầu vào tường, nhiệt độ cơ thể vẫn bình thường, tuy nhiên sau 1, 2 ngày lợn có thể chết.

Nếu lợn ăn ít thì ngộ độc nhẹ, đi đứng không vững, bụng đau thót, cong lưng, mắt vàng, bệnh tiến triển chậm, lợn có thể chết sau 6, 7 ngày.

Bệnh trong cơ thể, bộ máy tiêu hoá xuất huyết, thận, bàng quan tụ máu và nước tiểu màu nâu. Với con cái, bộ phận sinh dục sưng to, có màng nhầy, âm đạo sưng và thò ra ngoài.

b. Phòng và trị bệnh:

- Loại bỏ thức ăn mốc, ôi thiu, thụt rửa dạ dày, ruột bằng nước ấm.

- Cho uống Bicacbonat Natri 2‰.

- Nếu có thể thì dùng huyết thanh đa giá chống botilism.

- Cho ăn sữa chua để phá huỷ độc tố.

- Trợ tim bằng long não và cafêin.

III. MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở CHÓ - MÈO

Chó - mèo là loài vật trong gia đình. Mặc dù tỷ lệ mắc bệnh của chó, mèo không cao, nhưng khi đã mắc lại khá nguy hiểm. Để đảm bảo an toàn cho vật nuôi và cả người nuôi, chúng tôi xin giới thiệu cách phòng và điều trị một số bệnh thường gặp ở chó, mèo.

1. BỆNH DẠI.

Bệnh này do một loại Virus hướng thần kinh gây ra, truyền nhiễm cấp tính cho nhiều loài, thậm chí sang cả người. Bệnh gây chết 100% nạn nhân và không có thuốc đặc trị.

a. Triệu chứng:

Dựa vào những triệu chứng bộ phận sau để chẩn đoán bệnh.

- Mắt: Đỏ, sâu, không có ghèn mủ.
- Mũi: Bình thường.
- Miệng: Trễ hàm dưới, lưỡi lè ra, chảy dãi.
- Phân: Bình thường .
- Da: Bình thường.
- Thần kinh: Sợ ánh sáng, sợ gió, sợ tiếng động. Tiếng kêu khản đặc, rú lên hoảng loạn. Đuôi cụp,

bụng thót lại, chạy lung tung, cắn bừa bãi. Giai đoạn cuối cùng nằm liệt, chết. Riêng chó con hay mắc thể bệnh dại câm, không sủa, không cắn hay liếm chân tay người, buồn bã, bỏ ăn, chết.

- Bệnh tính: Dạ dày bị viêm loét.

b. Phòng bệnh:

- Tiêm Vacxin phòng bệnh cho chó và mèo. Chôn kỹ các con vật bị bệnh dại chết.

- Người bị chó, mèo dại cắn phải rửa sạch vết thương bằng xà phòng, sau đó bằng cồn hoặc éte khẩn trương đến y tế tiêm Vacxin trừ dại.

c. Điều trị:

- Bài 1:

Rễ cây duối	12g
Rễ gai	12g
Rễ guột rạng	12g
Kim ngân	12g
Lá bọ mẩy	16g
Lá hồng bì	16g
Hoàng cúc	12g
Cam thảo đất	16g

Tất cả sắc kỹ 2 nước, cho 2 lần uống. Uống 4-5 ngày liên tiếp.

Tác dụng của bài thuốc là ức chế Virus dại, chữa viêm não, với người cũng dùng bài thuốc trên nhưng với liều lượng 1 thang chia 2, 3 lần uống, mỗi lần cách nhau 3 tiếng. Uống từ 1 - 2 thang/ngày, trong 3 - 5 ngày liên tiếp.

- Bài 2:

Phòng phong	20g
Liên kiều	12g
Hoàng đằng	12g
Hạt cà dược	6g
Hạt mướp đắng	12g
Bạch cúc	12g
Kinh giới	16g

Sắc kỹ cho uống.

- Bài 3:

Hoàng liên	20g
Cẩu tích	16g
Thăng ma	16g
Hạt mã tiền	8g
(ngâm kỹ trong giấm)	
Cam thảo	12g

Sắc cho uống.

2. BỆNH SÀI SỐT CHÓ (CARÊ).

Bệnh này kéo dài trong 2 - 5 tuần, có thể gây chết 50 - 60% chó bệnh.

a. Triệu chứng:

- Mắt: Viêm nặng, có mủ, gây mù, mặt méo
- Mũi: Chảy nước đặc.
- Miệng: Ho,.thở lè lưỡi. hơi thở thối, nôn mửa, khát nước.
- Phân: Tiêu chảy nặng như dịch tả, có bọt, có máu.
- Da: Sốt cao, lông dựng, da chân dày, cứng, đi lại khó khăn, da nổi nhiều mụn đỏ, có mủ, vỡ ra bết vào lông.
- Thần kinh: Ủ rũ, hay hung dữ, co giật, bại liệt.
- Bệch tích: Loét ruột gan, thoái hoá.

b. Phòng bệnh:

- Dùng Vacxin nhược độc dịch tả trâu bò tiêm cho chó phòng bệnh carê'.

c. Điều trị:

Lá chó đẻ	30g
Rễ khổ sâm	12g
Kim ngân	16g
Thạch hộc	12g
Hoàng cúc	12g

Địa du	12g
Bạch cập	16g

Sắc kỹ 2 nước cho uống.

- Bài 2:

Hoàng liên	16g
Hoàng kỳ	20g
Cẩu tích	12g
Mẫu đơn bì	12g
Mộc hương	16g

Tất cả sắc cho uống

- Bài 3:

Huyền sâm	16g
Sài hồ	12g
Cây đằng	12g
Bồ bồ	16g
Qua lâu nhân	12g

Sắc cho uống

- Bài 4:

Xích thược	16g
Bạch cập	12g
Cát cánh	12g
Đình lịch tử	12g
Nhân tầm	16g

Sắc cho uống.

- Bài 5:

Thạch cao	16g
Thạch đại	10g
Sinh địa	20g
Tri mẫu	12g
Bạch thược	12g

Sắc kỹ cho uống.

Đồng thời có thể kết hợp với dùng thuốc tây: Combiocin, Analgin, Bcomplex, Caphona... theo hướng dẫn của thú y.

3. BỆNH GHẺ CHÓ, MÈO.

Bệnh do một loài nấm ký sinh ở da gây nên, lông rụng từng mảng, con vật ngứa ngáy, hay cọ mình.

**** Chữa bệnh:***

- Bài 1:

Củ chút chít	20g
Tri mẫu	20g

Giã nhuyễn. Tất cả trộn với 50 ml giấm, tẩm bông bôi lên các vùng da bị ghẻ, ngày 2, 3 lần.

- Bài 2:

Lá muồng trâu	100g
Lá ô môi	50g
Rễ bạch hạc	20g

Sắc kỹ trong 3 nước, bỏ bã, cô đặc còn 50 ml, tẩm bông bôi vào vết ghẻ.

- Bài 3:

Cỏ nhọ nồi	200g
Hương nhu	100g
Lá thông	50g

Sắc cao như trên lấy 50 ml, tẩm bông bôi.

Đặc biệt chú ý: Không được dùng DDT, 666 Dipteeen trị ghẻ cho chó, mèo, để tránh không cho chúng bị ngộ độc chết khi liếm phải.

4. BỆNH VIÊM MIỆNG.

a. Triệu chứng:

- Miệng viêm đỏ, chảy nhiều dãi, lợi có nốt đỏ hoặc mủ xanh, có khi loét trong miệng.

b. Chữa bệnh:

- Bài 1:

Tế tân	16g
Hoàng liên	12g
Xích thược	16g
Cam thảo	16g

Tất cả sao giòn, tán bột, mỗi lần dùng 2,3g trộn với mật ong bôi vào lưỡi, vòm miệng.

- Bài 2:

Đại thanh diệp	16g
Bồ công anh	16g
Huyền sâm	12g

- Bài 5:

Thạch cao	16g
Thạch đại	10g
Sinh địa	20g
Tri mẫu	12g
Bạch thược	12g

Sắc kỹ cho uống.

Đồng thời có thể kết hợp với dùng thuốc tây: Combiocin, Analgin, Bcomplex, Caphona... theo hướng dẫn của thú y.

3. BỆNH GHẺ CHÓ, MÈO.

Bệnh do một loài nấm ký sinh ở da gây nên, lông rụng từng mảng, con vật ngứa ngáy, hay cọ mình.

**** Chữa bệnh:***

- Bài 1:

Củ chút chít	20g
Tri mẫu	20g

Giã nhuyễn. Tất cả trộn với 50 ml giấm, tẩm bông bôi lên các vùng da bị ghẻ, ngày 2, 3 lần.

- Bài 2:

Lá muồng trâu	100g
Lá ô môi	50g
Rễ bạch hạc	20g

Sắc kỹ trong 3 nước, bỏ bã, cô đặc còn 50 ml, tẩm bông bôi vào vết ghẻ.

Cát cánh	16g
Hồi hương	12g

Sắc đặc, trộn với mật ong để bôi.

5. BỆNH VIÊM VÚ.

a. Triệu chứng:

- Vú sưng nóng, tấy đỏ nhiễm trùng sữa.

b. Điều trị:

- Bài 1:

Lá quýt	20g
Tía tô	50g
Bồ công anh	50g

Sắc kỹ lấy nước cho uống, còn bã để đắp ở vú, băng lại cẩn thận.

- Bài 2:

Sinh cam thảo	16g
Xích thược	16g
Trần bì	12g

Sắc kỹ lấy nước cho uống, đồng thời bôi nước vào vú đau.

- Bài 3:

Lá chó đẻ	30g
Lá na	16g
Nhân hạt gấc	10g

Tất cả giã nhuyễn, trộn với 30 ml rượu trắng để bôi vú.

6. BỆNH LOÉT DẠ DÀY, RUỘT.

a. Triệu chứng:

Kém ăn, nôn mửa thức ăn, có kèm theo máu, mủ, phân thối, có màu đen, đi lỏng.

b. Điều trị:

- Bài 1:

Nước cốt rau cần 15ml

Nước cốt rau cải 45ml

Khuấy đều, pha đường cho uống. Liều dùng cho 1 con chó và mèo to.

- Bài 2:

Bồ công anh	20g
Uất kim	20g
Nghệ đen	16g

Sắc kỹ, pha đường cho uống.

- Bài 3:

Đan sâm	50g
Diên hồ sách	30g
Đào nhân	30g
Trần bì	6g

Tất cả sao giòn, tán thành bột, mỗi dần dùng 10g hoà với nước đường cho uống. Liều dùng cho 1 con chó to hoặc 2 con mèo.

CHƯƠNG III

ĐIỀU TRỊ MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở GIA CẦM

Cũng như việc chăn nuôi các loài gia súc đang được mọi người rất quan tâm. Giờ đây, chăn nuôi không chỉ đáp ứng nhu cầu về thực phẩm mà còn thoả mãn nhu cầu về kinh tế. Vì vậy, vấn đề quan tâm nhất luôn là hiệu quả của việc chăn nuôi. Đảm bảo sức khoẻ của vật nuôi chính là một biện pháp nâng cao hiệu quả. Với mục đích đó, xin giới thiệu tới các bạn cách phòng và điều trị một số bệnh thường gặp ở gia cầm.

I. MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở GÀ

1. BỆNH BẠCH LỴ.

Đây là bệnh khá nguy hiểm vì vi khuẩn ẩn trong buồng trứng gà mái và tinh hoàn của gà trống, rất khó dập dịch. Gà con mới nở đã có thể mang bệnh.

a. Triệu chứng:

- Dựa vào những triệu chứng bộ phận sau để chẩn đoán bệnh.

- Mắt: Lim dim.

- Mũi: Khó thở.

- Miệng: Kém ăn, diều căng cứng không tiêu.

- Phân: Tiêu chảy loãng trắng.

- Da: Mào yếm nhợt nhạt, thiếu máu, bụng thũng nước, sốt cao.

- Thần kinh: ủ rũ, sã cánh, gà mái đẻ ít trứng, vỏ trứng bị xù xì.

- Bệnh tích: Tổn thương nặng ở đường ruột, viêm hoại tử tim, phổi, gan, lách, khớp xương.

b. Phòng bệnh:

- Cách tốt nhất để phòng bệnh bạch lỵ là tiêm chủng Vacxin ngừa thương hàn gà cho đàn gà giống hậu bị.

- Sát trùng kỹ lò ấp sau mỗi lần ấp.

- Loại thải và cách ly gà mang bệnh.

c. Trị bệnh:

- Bài 1:

Lá lốt	16g
Ngải cứu	16g
Lá xoài	12g
Lá trầu	12g

Sắc kỹ 2 nước cho gà uống hoặc trộn với thức ăn. Liều lượng như trên có thể dùng cho 10 gà lớn, 20 gà nhỏ, 30 - 40 gà con.

- Bài 2:

Trắc bá diệp	16g
Ngải cứu	20g
Hoàng liên	16g
Hương nhu	12g

Sắc kỹ cho uống.

- Bài 3:

Tô mộc	16g
Xuyên tâm liên	20g
Địa thanh diệp	16g
Quế chi	6g

Sắc cho uống.

- Bài 4:

Hoàng liên	16g
Kim ngân	20g
Nhân trần	16g
Xích thược	12g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

Đồng thời phối hợp dùng thuốc hoá dược.

- Thuốc tiêm bắp: Gentamycin - Bactain, Colistin, Spectinomycin, Fosfomycin. Chloramphenicol - Analgin...

Cần lưu ý: Biện pháp phòng và điều trị bệnh bạch lỵ ở gà cũng có thể áp dụng để điều trị bệnh này ở vịt.

2. BỆNH DỊCH TẢ GÀ NIU-CAT-XƠN (GÀ RÙ).

Bệnh gà rù do Virus gây ra, lây lan mạnh, tỷ lệ gà bệnh chết khá cao.

a. Triệu chứng:

- Mắt: Bình thường

- Mũi: Hắt hơi, khò khè, chảy nước nhớt trắng, đỏ.

- Miệng: Uống rất nhiều, diều căng mềm nhão, thở khó khăn, chảy nước dãi có dây, vươn cổ ra kêu "toóc, toóc".

- Phân: Lúc đầu táo bón, sau đó tiêu chảy, phân trắng xám, có bọt hoặc máu.

- Da: Mào tím ứ máu, sau đó mất máu làm mào tái, gà sốt cao.

- Thần kinh: Ở thể quá cấp gà chết nhanh. thể cấp tính gà rũ nặng, nếu sống sau khi bị bệnh, gà mắc chứng thần kinh quay đầu, vặn cổ, đi loạng choạng.

- Bệnh tích: Tiểu não thoái hoá, viêm xuất huyết mũi, miệng đến phổi, đường ruột, dưới da.

b. Phòng bệnh:

- Phòng bệnh là chính: Cách tốt nhất là bảo đảm chế độ ăn uống, chăm sóc, vệ sinh chuồng trại, môi trường tốt.

- Dùng Vacxin Lasota để trộn vào thức ăn cho gà ăn 3 tháng 1 lần, hiệu quả cao. Loại Vacxin này có thể dùng để nhỏ mắt, mũi cho cả gà lớn, gà con. Với gà lớn, miễn dịch được 6 tháng. gà trên 4 tuần tuổi được

3 tháng, gà được 4 tuần tuổi miễn dịch được 1, 2 tháng. Vì vậy khi hết hạn miễn dịch phải dùng thêm Vacxin Hamsavali tiêm dưới da.

c. Điều trị bệnh:

- Bài 1:

Trắc bá diệp	16g
Nọc sởi	16g
Chút chít	16g
Hoàng đằng	12g

Sắc kỹ 2 nước, bỏ bã, cho uống hoặc trộn thức ăn cho 10 gà lớn, 20 gà nhỡ hoặc 40, 50 gà con.

- Bài 2:

Sài hồ	20g
Bạch cập	16g
Uất kim	16g
Bồ công anh	20g
Địa du	12g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

- Bài 3:

Sinh địa	16g
Xích thược	12g
Bạch truật	12g

Diên hồ sách	16g
Mộc hương	12g

Sắc kỹ cho ăn hoặc uống.

- Bài 4:

Hoàng liên	16g
Huyền sâm	12g
Bạch thược	12g
Hồng hoa	8g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

- Bài 5:

Đơn bì	16g
Hoàng kỳ	16g
Đại thanh diệp	12g
Ngô thù du	12g
Ngũ vị tử	12g

Tất cả sắc kỹ cho gà uống.

Ngoài ra, có thể phối hợp dùng thuốc hoá dược để trị bệnh theo hướng dẫn của thú y:

- Thuốc tiêm bắp: Gentamycin, Chloramphenicol - Analgin.

- Thuốc trợ tim: Long não, cafein

- Thuốc trợ sức: Canxi, Biovet

3. BỆNH TOI Ở GÀ (TỤ HUYẾT TRÙNG).

Bệnh này do khuẩn Pasteurella gây ra, truyền nhiễm cấp tính, lây lan nhanh, có thể làm chết.

Thường mắc phải khi thời tiết thay đổi, thức ăn nhiều đạm, Vitamin A, chuồng trại chật chội, vệ sinh kém, gà đẻ nhiều, thay lông, giun lãi.

a. Triệu chứng:

- Mắt: Bình thường.

- Mũi: chảy nước có bọt máu, ngạt thở nặng.

- Miệng: Chảy dãi có bọt.

- Phân: Thể cấp tính, tiêu chảy, phân loãng màu nâu sẫm.

- Da: Tím ứ máu, yếm sưng cục cứng đau.

- Thần kinh: Thể quá cấp thường chết đột ngột về đêm, thể mãn tính gà sã cánh, nghẹo đầu, bại chân.

- Bệnh tích: Tổn thương nặng ở đường hô hấp, tiêu hoá.

b. Phòng bệnh:

- Công tác phòng bệnh gặp nhiều khó khăn vì Vacxin chưa có loại nào hoàn chỉnh, các Vacxin hiện dùng có thời hạn miễn dịch ngắn, có khi ít hiệu lực.

- Tăng cường công tác vệ sinh chuồng trại và môi trường, bảo đảm thức ăn đủ đạm, bổ sung Vitamin A tổng hợp vào nước uống.

- Cách ly gà bệnh, tiêu độc bệnh phẩm.

- Có thể dùng bột kim truật (Pasterin) để phòng chống các bệnh huyết trùng, phó thương hàn, viêm gan siêu vi.

c. Điều trị:

- Bài 1:

Trắc bá diệp	20g
Bọ mắm	30g
Bồ bồ	16g
Đinh lịch tử	12g
Tang bạch bì	12g

Tất cả sắc kỹ 2 nước cho uống.

- Bài 2:

Kim ngân	20g
Bách bộ	16g
Mộc hương	12g
Hoàng liên	12g
Tri mẫu	12g

Tất cả sắc kỹ cho ăn, uống.

- Bài 3:

Huyền sâm	16g
Bạch thược	16g
Địa cốt bì	12g

Bối mẫu 12g

Khoản đông hoa 12g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

Đồng thời kết hợp với dùng thuốc hoá dược:

- Tiêm bắp: Combrocin, Teramycin, Cloistin, Gentamycin, Tramutin... theo hướng dẫn của thú y.

Bệnh toi này cũng xuất hiện ở vịt. Vì vậy, có thể dùng cách phòng và trị bệnh của gà cũng có hiệu quả tương tự.

4. BỆNH CẦU TRÙNG Ở GÀ.

Bệnh này do chủng cầu trùng gây ra và gây bệnh chủ yếu ở vùng manh tràng, trực tràng gây viêm loét, xuất huyết.

a. Triệu chứng:

- Mắt: Bình thường .

- Mũi: Chảy nước, khó thở.

- Miệng: Chán ăn, hay bỏ bữa.

- Phân: Tiêu chảy, có màu trắng xanh có tia máu hoặc phân nâu, nhiều máu.

- Da: Bình thường.

- Thần kinh: Chân, cánh liệt sã xuống, khớp gối không sưng.

- Bệnh tích: Ruột non manh tràng, trực tràng có đoạn sưng phình to, chứa máu lẫn dịch nhớt.

b. Phòng bệnh:

- Tăng cường vệ sinh phòng bệnh.

- Loại gà bị bệnh, cách ly để tránh lây nhiễm dai dẳng.

c. Chữa bệnh:

- Bài 1:

Ngải cứu	20g
Cỏ tai hùm	16g
Kim ngân	16g
Hùng chanh	16g
Nha đam tử	12g

Tất cả sắc kỹ 2 nước cho gà uống.

Liều thuốc trên có thể dùng cho 10 gà lớn, hoặc 20 gà nhỡ, 40 - 50 gà con.

- Bài 2:

Hoàng liên	16g
Tô mộc	12g
Đơn bì	12g

Trắc bá diệp	12g
Sinh địa	16g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

- Bài 3:

Xích thược	16g
Địa du	12g
Bạch cập	12g
Hoa hoè	12g
Hoàng cầm	16g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

- Bài 4:

Đỗ trọng	16g
Đương quy	12g
Liên kiều	12g
Địa cốt bì	12g
Bồ hoàng	16g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

Đồng thời phối hợp dùng thuốc hoá dược.

- Tiêm bắp: Fosfmycin, Colistin, Gentamycin, Tylosin, Chloramphenicol - Analgin... theo hướng dẫn của thú y.

5. BỆNH VIÊM PHẾ QUẢN TRUYỀN NHIỄM Ở GÀ (IBG).

Bệnh viêm phế quản ở gà do Virus nhóm Corona gây ra. Virus này gây tổn thương, viêm loét nặng niêm mạc đường hô hấp trên từ mũi đến phổi, gây ngạt thở chết.

a. Triệu chứng:

Dựa vào triệu chứng bộ phận để chẩn đoán bệnh.

- Mắt: Chảy nước mắt.

- Mũi: Hắt hơi, chảy nước mũi, khó thở có thể dẫn đến chết.

- Miệng: há mồm để thở, bỏ ăn.

- Phân: Bình thường.

- Da: Bình thường.

- Thần kinh: Run rẩy, rúc đầu vào cánh.

- Bệnh tích: Tổn thương nặng từ mũi đến phổi.

b. Phòng bệnh:

- Tích cực phòng bệnh bằng tiêm chủng Vacxin IBG.

- Bảo đảm dinh dưỡng tốt, chuồng trại thông thoáng, vệ sinh tốt.

- Sát trùng chuồng trại bằng dung dịch cồn iod pha loãng 0,05%.

c. Trị bệnh:

- Bài 1:

Lá ba chạc	16g
Hạt bối xôi	12g
Cỏ tháp bút	20g
Hạt củ cải	12g
Tang diệp	16g

Tất cả sắc kỹ trong 2 nước cho gà uống hoặc trộn với thức ăn cho 10 gà lớn hoặc 20 gà nhỡ, 40 - 50 gà con.

- Bài 2:

Lá cang mai	16g
Cây cấm	16g
Cỏ sữa lá lớn	12g
Tía tô	16g
Lu lu đực	12g
Vỏ thân chiêu liêu nghệ	8g

Tất cả sắc kỹ cho uống.

- Bài 3:

Huyền sâm	16g
Bạch thược	12g
Tế tân	12g

Phục linh	12g
Cam thảo	10g

Tất cả sắc lên cho gà uống.

- Bài 4:

Ngải diệp	20g
Trần bì	10g
Bán hạ	12g
Bạch linh	16g
Đương quy	12g

Tất cả sắc lên cho uống hoặc trộn vào thức ăn để gà ăn.

Ngoài ra, nên phối hợp dùng thuốc hoá dược để điều trị.

- Thuốc nhỏ mũi: Gentamycin - Tylosin.

- Thuốc tiêm bắp: Colistin - Tramitin, Streptomycin , Nasulfadiazin... theo hướng dẫn của thú y.

6. BỆNH VIÊM THANH KHÍ QUẢN TRUYỀN NHIỄM (ILT).

Bệnh viêm thanh khí quản gây phì đạo, tạo màng giả ở thanh khí quản, gây tắc thở cả đường mũi và đường miệng. tỷ lệ chết rất cao.

a. Triệu chứng:

Dựa trên những triệu chứng bộ phận để chẩn đoán bệnh.

- Mắt: Chảy nước mắt, quánh lại thành mủ.

- Mũi: Hắt hơi nhiều, cảm cúm nặng, nước mũi loãng, sau đó đặc lại hoá mủ, khó thở, ho khan rít.

- Miệng: Há ra để thở, hắt hơi văng bọt có máu, có màng giả phủ bựa vàng.

- Phân: Bình thường.

- Da: Bình thường.

- Thần kinh: Cảm cúm nặng, ủ rũ.

- Bệnh tích: Tổn thương nặng ở họng, thanh khí quản.

b. Phòng bệnh:

- Tiêm chủng Vacxin ngừa ILT.

- Bảo đảm chế độ vệ sinh tốt chuồng trại.

- Cách ly gà bệnh, tránh lây lan truyền dai dẳng.

c. Chữa bệnh:

Hiện nay không có thuốc hoá dược đặc trị. Tuy nhiên có thể sử dụng các bài thuốc đông dược sau để chữa bệnh.

- Bài 1:

Xạ can	12g
Diếp cá khô	30g
Ngưu bàng tử	12g
Ké đầu ngựa	12g
Sâm đại hành	16g

Tất cả sắc kỹ 2 nước cho gà bệnh uống. Với liều thuốc trên có thể sử dụng cho 10 gà lớn, 20 gà nhỡ hoặc 40 - 50 gà con. Sau khi uống, để lại ít nước để nhỏ mũi 4 - 5 lần/ngày.

- Bài 2:

Sài đất	20g
Chó đẻ	16g
Cân ban	16g
Vỏ cây khế chua	12g
Vỏ rễ đơn chân chấu	12g

Tất cả sắc lên cho gà uống và nhỏ mũi.

- Bài 3:

Huyền sâm	16g
Sơn đậu căn	12g
Thăng ma	12g
Cát cánh	16g
Sinh cam thảo	12g

Tất cả sắc kỹ cho gà uống, ăn và nhỏ mũi.

- Bài 4:

Kinh giới tuệ	12g
Tâm di	12g
Hoàng cầm	16g
Xuyên khung	12g
Bạch thược	16g

Tất cả sắc kỹ cho uống và nhỏ mắt.

Đồng thời phối hợp dùng thuốc hoá dược theo hướng dẫn của thú y.

- Thuốc nhỏ mắt: Gentamycin - Dexamethason.

- Thuốc tiêm bắp: Colistin, Septotrylm, Gentatylo...

7. BỆNH TRÁI ĐẬU Ở GÀ.

Bệnh trái đậu ở gà do Virus gây ra, thường gây mù mắt, viêm mủ mũi họng, nghẹn thở, phổi tích nước, tụ máu, viêm loét đường ruột. Bệnh xảy ra chủ yếu ở gà con, lây lan nhanh.

a. Triệu chứng:

- Mắt: Đỏ nặng, có mủ, có khi phồng con ngươi, gây mù.

- Mũi: Chảy nước mũi, khó thở

- Miệng: Bỏ ăn, mọc mụn đau, chảy nước nhớt có mủ.

- Phân: Bình thường, có khi tiêu chảy.

- Da: Mào to, đầu sưng méo mó, nhiều mụn đậu mọc ở mào, yếm, khoé mắt, miệng, trong cánh, chân, đầu mụn trắng có mủ.

- Thần kinh: Mệt mỏi, ủ rũ, sã cánh.

- Bệnh tích: Phổi ứ nước, tụ máu.

b. Phòng bệnh:

- Tiêm chủng Vacxin phòng trái đậu cho gà con. Tiêm lại lần nữa vào đầu mùa khô hoặc cuối mùa thu.

- Đảm bảo chế độ ăn uống, chăm sóc, vệ sinh tốt.

- Cách ly gà bệnh, sát trùng chuồng trại.

c. Chữa bệnh:

- Bài 1:

Rễ cành châu	12g
Hoa khế chua	12g
Lá tre	16g
Sài đất	30g
Mạch môn	12g

Tất cả sắc kỹ làm 2 nước cho gà uống hoặc trộn vào thức ăn cho gà. Liều dùng cho 10 gà lớn hoặc 20 gà nhỡ hay 40, 50 gà con.

Bài thuốc có tác dụng thanh nhiệt, hạ sốt, tiêu độc, ức chế Virus, giảm các triệu chứng ở đường hô hấp.

- Bài 2:

Sài đất	30g
Bọ mắm	20g
Kinh giới tuệ	12g
Ngưu bàng tử	12g
Sinh cam thảo đất	20g

Tất cả sắc kỹ nước cho gà ăn hoặc uống.

- Bài 3:

Hoàng kỳ	12g
Kinh giới	12g
Bồ công anh	30g
Hạ khô thảo	12g
Thổ phục linh	20g

Sắc kỹ cho uống, cũng có thể dùng để nhỏ mũi chống ứ mủ, tắc nghẽn đường thở.

- Bài 4:

Bột lưu huỳnh	50g

Đun nóng chảy, thêm bột kim ngân hoa 15g. Tất cả đảo đều, để nguội, đựng trong lọ kín, dùng để bôi 2, 3 lần trong một ngày.

Có thể phối hợp dùng thuốc hoá dược theo hướng dẫn của thú y.

- Nhỏ mắt: Gentamycin - Dexamethason.

- Tiêm bắp: Penicillin G - Analgin

II - MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở VỊT

1. BỆNH DỊCH TẢ Ở VỊT.

Do một số Virus nhóm Hapes gây ra, có khả năng truyền nhiễm mạnh. Virus gây bại liệt, loét xuất huyết nhiều cơ quan và viêm mủ, mắt, mũi, miệng, đường ruột. Bệnh thường phối hợp với bệnh phó thương hàn gây hoại tử gan, tỷ lệ tử vong rất cao.

a. Triệu chứng:

Mắt đau nặng, đỏ sưng mí, miệng kêu "khẹc, khẹc", khó thở. Thường uống rất nhiều nước, bỏ ăn. Vịt lúc đầu đi phân táo bón, sau đó chảy rất loãng, có màu trắng xanh, rất thối. Trên da có nổi nhiều nốt xuất huyết ở ngực, bụng, đùi.

Vịt có triệu chứng bất ổn về thần kinh, kêu khản đặc, đầu sưng phù, hầu thũng nước, rũ cánh, đứng 1 chân rồi liệt hẳn.

b. Phòng bệnh:

- Cách phòng tốt nhất là tiêm chủng Vacxin ngừa dịch tả cho vịt con ngay từ 1 - 3 ngày tuổi.

- Bảo đảm chăm sóc tốt, ăn uống đủ chất dinh dưỡng, vệ sinh tiêu độc chuồng trại.

- Cách ly, loại thải vịt bệnh, sát trùng kỹ bệnh phẩm.

c. Điều trị:

- Bài 1:

Bồ hoàng	16g
Hoa hòe	12g
Xuyên tâm liên	20g
Lá lốt	20g
Quế chi	5g
Can khương	8g

Tất cả sắc kỹ làm 2 nước cho uống hoặc trộn và thức ăn cho vịt.

- Bài 2:

Trắc bá diệp	20g
Cỏ mực	30g
Sơn cạn	16g
Ngải cứu	6g
Ngũ bội tử	12g

Tất cả sắc kỹ cho uống hoặc trộn và thức ăn.

- Bài 3:

Hoàng liên	16g
Sinh địa	12g
Huyền sâm	12g

Bạch chỉ	16g
Cát cánh	16g

Tất cả sắc kỹ cho vịt uống .

- Bài 4:

Địa du	16g
Bạch cập	12g
Ngô thù du	12g
Chỉ thực	12g
Bạch truật	16g

Tất cả sắc kỹ cho uống .

Có thể dùng kết hợp với thuốc hoá dược theo hướng dẫn của thú ý.

- Nhỏ mắt: Gentamycin - Dexamethason.
- Nhỏ mũi: Trylosin - Colistin.
- Tiêm bắp: Chloramphenicol - Analgin.

2. BỆNH VIÊM XOANG MŨI Ở VỊT.

Bệnh này chủ yếu xuất hiện ở vịt con từ 10 - 15 ngày tuổi, lây lan nhanh và nặng, gây tử vong đến 50% đàn, số con qua được thì rất chậm lớn.

a. Triệu chứng:

Mắt có hiện tượng phù nước thành khối u mềm. Vịt bệnh thường hắt hơi, chảy nước mũi, khò khè, khó thở, ăn kém, phân vẫn bình thường. Nhưng nếu đi kèm

với bệnh phó thương hàn thì có hiện tượng tiêu chảy. Vịt lên cơn thần kinh, co giật, cứng cổ, chân cứng, tổn thương nặng từ mũi đến phổi.

b. Phòng bệnh :

- Vệ sinh thức ăn, nước uống, chuồng trại.

+ Ngải cứu 30g, sắc lên trộn với tấm nấu cho vịt ăn. Liều lượng đó áp dụng cho 50 vịt từ 1 - 5 ngày tuổi, 40 vịt 6 - 10 ngày tuổi, 30 vịt 11 - 15 ngày tuổi.

+ Bồ công anh 50g, sắc trộn với tấm cho vịt ăn.

c. Trị bệnh:

- Bài 1:

Bồ bồ	30g
Ngải cứu	20g
Sâm đại hành	16g
Ké đầu ngựa	12g
Tề thái	16g

Tất cả sắc kỹ làm 2 nước cho uống hoặc trộn với tấm cho vịt ăn.

Bài thuốc này có tác dụng ức chế các loại khuẩn gây viêm xoang, tắc mũi.

- Bài 2:

Xạ can	16g
Sài đất	30g

Kim ngân	20g
Xuyên tâm liên	20g
Lá lô hội (nha đan)	12g

Tất cả sắc kỹ cho uống kết hợp với nhỏ mũi.

- Bài 3:

Xích thược	16g
Cầm	12g
Sài hồ	16g
Đương quy	12g
Tô mộc	12g

Tất cả sắc kỹ cho uống kết hợp với nhỏ mũi.

- Bài 4:

Nhân trần	12g
Hoàng bá	20g
Hậu phúc	12g
Tân di	12g
Thiên môn	16g

Sắc kỹ, cho uống, nhỏ mũi.

Có thể dùng kết hợp với thuốc hoá dược theo hướng dẫn của thú ý.

- Nhỏ mắt: Gentamycin - Dexamethason.

- Tiêm bắp: Imequin, Colistin, Gentatylo, Combiocin.

3. BỆNH NẤM PHỔI Ở VỊT.

Bệnh thường xuất hiện ở vịt con, phá hoại mô bào các cơ quan gây viêm mủ nhiều bộ phận quan trọng như tim, não, phổi.

a. Triệu chứng:

Mắt bị viêm, không mở to được, vịt bệnh thường hắt hơi, chảy nước mũi, há miệng để thở, uống rất nhiều nước, chảy nước nhớt. Phân vịt có máu kèm theo tiêu chảy. Mào yếm có màu nhợt nhạt, vịt đứng ủ rũ, co giật, bại liệt.

b. Phòng bệnh:

- Vệ sinh chuồng trại thường xuyên, bổ sung Vitamin A vào thức ăn.

c. Điều trị:

- Bài 1:

Ngải cứu	20g
Cỏ mực	30g
Kinh giới	20g
Rau má	20g
Kim giao	16g

Sắc kỹ 2 nước cho uống kết hợp nhỏ mũi.

- Bài 2:

Diếp cá	50g
Chó đẻ	30g
Cúc hoa vàng	20g
Đình lịch tử	16g
Bạch chỉ	12g
Thổ phục linh	16g

Sắc kỹ cho uống kết hợp nhỏ mũi.

- Bài 3:

Huyền sâm	16g
Hoàng liên	16g
Cát căn	12g
Tri mẫu	12g
Ý dĩ nhân	12g
Cát cánh	12g
Xuyên khung	8g

Sắc kỹ cho uống kết hợp nhỏ mũi.

Phối hợp với thuốc hoá dược theo hướng dẫn của thú y.

- Nhỏ mắt: Gentamycin.
- Tiêm bắp: Mycostatin, Tricomycin...

4. BỆNH VIÊM GAN SIÊU VI Ở VỊT.

Do một loài Virus ARN rất nhỏ gây ra, chỉ truyền nhiễm ở vịt con, còn vịt lớn và các loại gia cầm khác không mắc phải.

a. Triệu chứng:

- Mắt: Lim dim buồn ngủ.

- Mũi: bình thường.

- Miệng: Xám xanh.

- Phân: Tiêu chảy.

- Thần kinh: ủ rũ, mệt nặng, có cơn sốt nhẹ, lên cơn co giật, vịt chết có tư thế đặc trưng là hai chân duỗi thẳng, đầu ngẹo ngược về phía lưng.

- Bệnh tích: Gan sưng to, hoại tử.

b. Phòng bệnh:

Cách phòng bệnh có hiệu quả nhất là dùng kháng huyết thanh tiêm ngay cho vịt con mới mua về.

- Dùng thuốc ức chế Virus viêm gan.

+ Bồ bồ 30g, ngải cứu 20g sắc lên cho 30 - 50 vịt từ 1 - 30 ngày tuổi uống.

+ Nhân trần 20g, sinh cam thảo 12g. Sắc kỹ cho uống.

c. Điều trị:

- Bài 1:

Xuyên tâm liên	20g
Bồ công anh	20g
Lá liễu	16g
Bồ bồ	30g
Ngải cứu	20g
Đại thanh diệp	12g

Sắc kỹ làm 2 nước cho 30 - 50 vịt con từ 1 - 12 tuần tuổi uống.

Có tác dụng: Kháng Virus viêm gan, tiêu viêm, chống viêm hoại tử gan, giải độc tăng sức.

- Bài 2:

Nhân trần	16g
Đương quy	12g
Sinh địa	12g
Miết giáp	12g
Đan sâm	16g

Sắc kỹ cho uống.

- Bài 3:

Kim ngân hoa	16g
Tam lăng	12g

Miết giáp	12g
Đương quy	12g
Nhân trần	16g
Bạch thược	12g

Sắc kỹ cho uống.

Có thể dùng kết hợp với thuốc hoá dược theo hướng dẫn của thú ý để điều trị bệnh.

- Tiêm bắp: Colistin, Spectuomycin, Fosfomycon, Chloramphenicol - Analgin.

CHƯƠNG IV

MỘT SỐ KHÁNG SINH DÙNG TRONG THÚ Y

Có nhiều phương pháp bảo vệ và phát triển đàn gia súc, gia cầm, trong đó dùng thuốc là một biện pháp đạt hiệu quả cao rõ rệt. Tuy nhiên, việc dùng thuốc nhiều khi lại gây hậu quả nghiêm trọng do người chăn nuôi thiếu kiến thức sử dụng thuốc, nhất là với hoá chất trị liệu. Trong những phần trước, chúng tôi đã đề cập đến việc phòng và điều trị bệnh cho gia súc, gia cầm trên cơ sở kết hợp giữa Đông y và Tây y. Để giúp các bạn có được những kiến thức cơ bản trong việc dùng thuốc tây trị liệu, trong phần này chúng tôi xin giới thiệu một số loại kháng sinh dùng trong thú y, dược tính, tác dụng và hiệu quả của từng thuốc.

I. NGUYÊN TẮC TRỊ LIỆU BẰNG KHÁNG SINH.

Trước khi đi vào tìm hiểu tác dụng, hiệu quả của từng loại kháng sinh, xin giới thiệu một số nguyên tắc khi trị liệu bằng kháng sinh.

1. Cần hiểu rõ đặc tính của kháng sinh để sử dụng phù hợp với những thể bệnh khác nhau như trường hợp bệnh cấp tính hoặc một số bệnh chuyên biệt thì nên dùng loại kháng sinh có phổ khuẩn hẹp là thích hợp nhất. Vì sẽ đảm bảo được sự quân bình của quần thể vi khuẩn tự nhiên của cơ thể.

2. Cần phải xem xét loại kháng sinh nào có cần dùng kèm với hoá chất khác không và như thế hiệu lực của thuốc có nhanh không, có tác động gì tới quần thể vi sinh vật tự nhiên của cơ thể. Đặc biệt, sau khi hồi phục, có tạo ra được miễn dịch tự nhiên cho bệnh gia súc hay không.

3. Trước khi dùng một loại kháng sinh phải xác định rõ thời gian và liều lượng dùng thuốc thích hợp.

Cách tốt nhất là nên dùng kháng sinh liều cao trong một thời gian ngắn để loại trừ hết các vi khuẩn gây bệnh, nhờ đó phát sinh các dòng vi khuẩn đề kháng. Tránh để bệnh kéo dài trở thành mãn tính, nhất

là các bệnh do vi trùng sinh mủ. Khi chuyển sang thể mãn tính sẽ tạo ra các bọc mủ khó trị.

4. Phải đảm bảo khía cạnh kinh tế đối với liều thuốc kháng sinh trị liệu.

Nên nhớ khi dùng một loại kháng sinh thì kháng sinh đó phải có hiệu lực tức thì. Sau một thời gian rất ngắn, thuốc phải đạt nồng độ tối đa trong các mô cơ thể và tiếp tục duy trì cho đến 48 giờ sau khi dứt triệu chứng bệnh. Nếu điều trị kéo dài bằng thuốc kém hiệu lực, vừa không an toàn lại không tiết kiệm.

Trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản trên, khi sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi cần hết sức thận trọng, tránh tình trạng kém hiệu quả lại tốn kém.

II. NHÓM KHÁNG SINH PENIXILIN (PENICILLIN).

Đây là loại kháng sinh có phổ khuẩn hẹp, nhiều dạng thuốc, đồng thời là dược phẩm kháng sinh thông dụng, được dùng rất nhiều trong lĩnh vực thú y.

1. Độc tính của Penixilin khi điều trị bệnh của thú y.

- Thuốc Penixilin không có độc tính trong thú y, ngoại trừ một số trường hợp ở gia súc nhỏ có xuất hiện dị ứng ở da, hay ở ngực cũng có thể bị phản ứng da dày lên. Tuy nhiên, trong bệnh Distemper ở chó,

nếu tiêm thuốc này vào màng não rất nguy hiểm, liều tiêm tối đa là 10.000 UI/ml mới đảm bảo ít nguy hiểm. Riêng loài bọ rất nhạy cảm với Penixilin.

2. Phổ khuẩn diệt.

- Nhóm kháng sinh Penixilin có phổ khuẩn hẹp, thường phát huy hiệu quả cao nhất với loại vi trùng Streptococci. Có nghĩa những loài bệnh nào do vi trùng Streptococci gây ra đều được điều trị có kết quả tốt khi sử dụng kháng sinh Penixilin.

- Thuốc Penixilin được dùng có hiệu quả nhất khi điều trị các bệnh sau: Viêm vú, bệnh toàn diện hay vết thương định vị trên tất các các loài gia súc, bệnh thận có mủ của trâu, bò, bệnh đóng dấu son ở lợn, bệnh sài uốn ván, bệnh thận hoá mủ, tiêu chảy ở cừu, bệnh xảo thai, bệnh nhiệt thán...

Tuy nhiên, cần chú ý Penixilin chỉ phát huy công hiệu trong việc điều trị các loại bệnh này khi những vi trùng gây bệnh ở nồng độ thông dụng định khuẩn. Còn trong thực tế sinh vật thì khác hẳn: Bệnh viêm vú do vi trùng với số lượng mủ lớn, khi tiêm Penixilin vào vú vẫn không thể loại trừ vi trùng gây bệnh một cách nhanh chóng và có hiệu quả tốt được.

- Kháng sinh Penixilin không phát huy hết công dụng khi điều trị các bệnh: Sưng phổi, huyết nhiễm trùng, bệnh đường ruột, xảo thai vì các vi khuẩn gây

bệnh đó không thụ cảm với Penixilin. Tuy nhiên, vẫn có thể dùng Penixilin để chống phụ nhiễm.

3. Liều dùng Penixilin để trị bệnh gia súc.

- Đối với đại gia súc: Tiêm từ 15.000 - 20.000UI/1kg trọng lượng cơ thể trong 1 ngày.

- Đối với lợn: Tiêm từ 25.000 - 200.000UI/1kg trọng lượng cơ thể trong 1 ngày.

Đặc biệt với lợn con bị bệnh co giật, thường dùng liều thông dụng mỗi ngày 200.000 UI/kg thể trọng, đồng thời dùng kèm với 200.000 Streptomixin thì điều trị mới đạt kết quả tốt.

Nhưng chú ý, khi sử dụng liều cao này phải chia liều tiêm từ 4 - 8 lần/ngày.

- Đối với gia cầm: Dùng liều từ 30.000 - 50.000 UI/kg thể trọng.

Trên đây là liều lượng thích hợp dùng cho việc tiêm, còn nếu dùng kháng sinh ở dạng uống phải tăng gấp 3 - 5 lần liều tiêm nội thể mới đảm bảo đạt nồng độ trị liệu trong máu.

III. KHÁNG SINH AMPICILLIN.

Đây là loại Penixilin bán tổng hợp rất hiệu dụng, có khả năng khống chế vi trùng Gram (+) lẫn Gram (-), coi như có phổ khuẩn rộng.

1. Độc tính:

Giống như các loại Penixilin khác, Ampixilin có thể dùng liều rất cao trong một thời gian dài mà không gây độc.

2. Tác dụng:

Ampixilin có tác dụng diệt khuẩn, chống lại các vi trùng gây các bệnh như:

- Ở trâu bò: Trị tiêu chảy, viêm ruột bê, sưng phổi, huyết nhiễm trùng thương hàn, thối móng chân, viêm vú do E.coli, viêm tử cung, sót nhau, viêm thận có mủ.

- Ở lợn: Trị hội chứng viêm ruột, viêm phổi do E.coli, đóng dấu son, viêm tử cung.

- Ở cừu: Trị bệnh thối móng, viêm vú, viêm tử cung, sưng phổi, bọc mủ ở chân.

- Ở ngựa: Trị bệnh viêm ruột và huyết nhiễm trùng ngựa con, viêm tử cung, bệnh hô hấp, bệnh ghép với cảm cúm ở ngựa, sốt sổ mũi.

- Ở gia cầm: Trị bệnh viêm ruột do E.coli và bệnh do Clostridium.

- Ở chó: Phụ cảm, viêm da, viêm ruột, nhiễm trùng tai, bệnh Lepto, viêm yết hầu, viêm hạch hạch nhân, vết thương sau khi mổ, bệnh đường hô hấp, sinh dục.

- Ở mèo: Chống phụ nhiễm với Virus gây bệnh hô hấp, viêm ruột, viêm tai.

Như vậy khi các loại gia súc, gia cầm mắc các bệnh trên thì sử dụng Ampixilin sẽ đạt hiệu quả cao nhất. Tuy nhiên, cần lưu ý khi dùng thuốc phải đúng liều lượng quy định thì mới phát huy hết tác dụng của Ampixilin.

3. Liều dùng:

- Nếu dùng để uống thì liều thích hợp nhất là 4 - 10 mg/kg trọng lượng cơ thể trong một ngày.

- Nếu dùng để tiêm nội thể thì liều thích hợp nhất là 2 - 7 mg/kg trọng lượng cơ thể trong một ngày.

Liều lượng này cũng có thể thay đổi ở mức cao hơn khi trị bệnh ở thú to, thú non và bệnh cấp tính. Đối với bệnh cấp tính cho dùng 2 lần/ngày, mỗi lần trọn 1 liều. Còn đối với các bệnh khác thì cứ 24 giờ dùng thuốc một lần.

Đó là liều dùng được áp dụng cho gia súc, gia cầm. Riêng với người thì lại áp dụng định mức khác.

- Liều dùng cho người lớn là từ 150 - 200 mg/kg trọng lượng cơ thể/1 ngày. Tốt nhất uống thành 3,4 lần trong 1 ngày.

IV. KHÁNG SINH CEPHALOSPORIN.

1. Dược tính:

Cephalosporin không hấp thụ hoàn toàn khi uống. Vì vậy cách tốt nhất là dùng để tiêm nội thể. Thuốc được bài thải qua thận.

2. Tác dụng và liều dùng:

Cephalosporin có phổ khuẩn rộng trên cả vi trùng Gram (+) và Gram (-).

Thuốc này có thể dùng điều trị nhiều bệnh ở gia súc, nhất là bệnh đường hô hấp và tiết niệu như: sưng phổi, sưng tử cung, viêm thận, bàng quan, thối chân, huyết nhiễm trùng, viêm tai.

Cephalosporin được dùng với liều tiêm nội thể: 10 - 20mg/kg thể trọng. Dùng từ 1, 2 lần/ngày.

V. NHÓM KHÁNG SINH CƠ CẤU POLIXACCARIT MACROLIT.

1. Kháng sinh Streptomixin (Streptomycin).

Đây là loại kháng sinh có phổ khuẩn hẹp và theo quy định cứ 1,25g Strpetomixin Sunfat bằng 1 g Streptomjxin tiên chẩn.

** Tác dụng:*

Streptomixin có khả năng diệt khuẩn và định khuẩn tuỳ theo nồng độ PH, môi trường và loại vi

khuẩn. Đặc biệt loại kháng sinh này sẽ đạt được hiệu năng diệt khuẩn rất tốt nên phối hợp trị liệu cùng với Streptomixin.

Trong thực tế trị liệu, Streptomixin có hiệu lực cao khi điều trị các bệnh như:

- Bệnh actinomicoxit
- Sốt chuyên chỗ.
- Tiêu chảy ở lợn con và bê.
- Bệnh viêm vú.
- Xảo thai ở trâu, bò.
- Bệnh Lepto (thể gan và thận).
- Bệnh phó thương hàn.

Ngoài ra, Streptomixin cũng có tác dụng chống bệnh siêu vi trùng, bệnh toàn diện ở gà tây.

Tuy nhiên, kháng sinh Streptomixin vẫn có những nhược điểm nhất định. Đó là dễ bị vi trùng nhờn kháng thuốc một cách nhanh chóng, có thể ngay trong tuần lễ đầu trị liệu. Vì vậy để tránh thuốc hết tác dụng, nhờn thuốc, phải dùng Streptomixin với liều lớn, kéo dài trong 3 - 4 ngày, sau đó thì thôi.

Để giúp người chăn nuôi có thể hiểu rõ hơn về tác dụng của Streptomixin, chúng tôi xin trình bày kỹ về hiệu quả loại thuốc này trong ứng dụng trị liệu.

- Bệnh viêm vú bò: Để trị bệnh này, thường dùn phối hợp giữa Streptomixin với Penixilin để bơm và vú viêm. Có thể pha hỗn hợp thuốc này trong dầu đ kéo dài hiệu lực của Penixilin.

Nhưng như đã nói Streptomixin rất dễ nhờn thuốc vì vậy, sau khi dùng 2 liều đầu mà không thấy chuyển biến bệnh trạng thì ngay lập tức phải chuyển sang dùng loại thuốc khác thích hợp hơn, có phổ khuẩn rộng hơn.

- Bệnh Vibrio: Đây là bệnh xảo thai, thường xảy ra trong khoảng thời gian 3 tháng đầu mang thai ở bò. Bệnh có thể truyền từ bò cái qua bò đực và ngược lại.

Khi bò mang bệnh dùng Streptomixin bơm vào tử cung bò 1g pha lẫn với 15 ml nước cất vô trùng nhằm giúp hồi phục chu kỳ sinh dục ở bò cái. Với đực giống thì điều trị bằng cách tiêm nội thể cũng có kết quả.

Ngoài ra, có thể phòng bệnh xảo thai cho bò bằng cách pha Streptomixin với nước ấm, cho bò sử dụng trên cơ sở cứ 1mg Streptomixin bazơ cho một ml tinh dịch bò bệnh.

- Bệnh co giật ở lợn con: Dùng Streptomixin tiêm kèm với Penixilin, liều tối đa 200 mg/kg thể trọng.

Tuy nhiên, đối với lợn trị bệnh lâu dài bằng Streptomixin liều lớn thì có thể xuất hiện tình trạng mất thăng bằng khi đi lại. Khi đó nên hạ liều, đồng

thời tăng cường bổi dưỡng sinh tố nhóm B, hoặc đối kháng sinh để giúp bệnh dứt hẳn.

- Kháng sinh Streptomixin cũng có khả năng điều trị bệnh hô hấp kinh niên (CRD) và sổ mũi truyền nhiễm của gà.

2. Kháng sinh Neomixin.

Đây là loại kháng sinh có phổ khuẩn trung bình.

a. Dược tính:

Neomixin là loại kháng sinh không nên dùng để uống trị bệnh toàn diện vì khi đó, thuốc này chỉ hấp thụ 3%. Tuy nhiên, khi sử dụng biện pháp tiêm vẫn có thể phát huy hết hiệu lực của Neomixin.

Cũng cần chú ý: Với súc vật thì việc tiêm nội thể kháng sinh Neomixin cũng có thể áp dụng, nhưng với người thì tuyệt đối hạn chế vì thuốc có độc tính cao cho thận và hệ thần kinh.

- Neomixin đạt được nồng độ tối đa trong máu trong vòng 1 giờ và duy trì từ 4 - 8 giờ. Vì vậy, để đảm bảo an toàn, liều dùng thuốc hàng ngày phải chia ra làm 4 phần, mỗi lần tiêm cách nhau 4 - 8 tuần.

- Neomixin có độc tính giống Neomixin nhưng có phần trội hơn có thể làm tổn thương dây thần thính giác, gây điếc vĩnh viễn hoặc hại thận dẫn đến đi tiểu ra máu, kết sạn thận.

Trị liệu bằng Neomixin trên người thường phát sinh vi nấm ký sinh trên da, màng nhầy trong ống tiêu hoá. Nhưng ở gia súc vấn đề này không quan trọng lắm.

b. Tác dụng:

- Kết quả thí nghiệm cho thấy, việc kết hợp giữa Neomixin với Penixilin, Baxitraxin, Polimixin thường cho kết quả rất tốt trong trị bệnh nhiệt thán, lao. Nhưng trong thực tiễn, thông thường người ta dùng Neomixin để trị các bệnh đường ruột và bệnh ngoài ra.

Liều dùng với người thường 1g/ngày, sử dụng trong 5 ngày liên tiếp không gây triệu chứng ngộ độc.

Với súc vật như chó, bê, lợn con có thể dùng liều 0,4g/kg thể trọng trong 1 ngày. Mỗi ngày chia làm 4 lần và sử dụng liên tiếp trong vòng 5 - 6 ngày.

Neomixin dạng dung dịch thường dùng để băng ướt cho vết thương và dạng thuốc mỡ, thích hợp để trị bệnh ngoài da, viêm tai, loét viêm giác mạc.

3. Kháng sinh Erithromixin.

Loại kháng sinh này có hiệu lực với hầu hết các vi trùng Gram (+) và một số vi trùng Gram (-), một số loại Ricket trùng, Virus và một số nguyên sinh động vật.

a. Độc tính:

Erithromixin có độc tính rất thấp, nếu có chỉ biểu hiện ở dạng nôn mửa, rối loạn hệ tiêu hoá ở thú ăn thịt, nhưng rất hiếm khi xảy ra.

b. Tác dụng:

- Loại kháng sinh này trong thực tế có thể dùng trị bệnh của lợn, gà con bằng cách hoà với nước cho uống.

** Liều dùng:*

- Dùng để hoà với nước cho uống: ở dạng Erithromixin thioxianat.

Phương pháp này dùng để trị bệnh hô hấp kinh niên (CRD) viêm hốc mũi, viêm khớp ở gà, lợn với liều lượng: Cứ mỗi phần thuốc hoà với 10.000 phần nước cho gà, lợn dùng liên tiếp trong 3 ngày và trung bình 20 - 30 mg/kg trọng lượng cơ thể trong 1 ngày với các loài thú khác.

- Dùng để tiêm nội thể: Loại Erithromixin lactotronat.

- Dùng với trâu bò ngựa: Dùng từ 4 - 8 mg thuốc/kg thể trọng trong vòng 12 giờ.

- Đối với chó, mèo, lợn: Dùng từ 4 - 8 mg thuốc/kg thể trọng trong vòng 12 giờ.

Đây là loại kháng sinh có độ bền khá cao, vì vậy có thể dự trữ thuốc ở tủ lạnh để bảo quản ít nhất là 8 tuần.

4. Kháng sinh Novobioxin.

Là loại kháng sinh có phổ khuẩn trung bình, có khả năng định khuẩn, diệt khuẩn chống vi trùng Gram (+) và giống như kháng sinh Erithromixin.

a. Độc tính:

Novobioxin có độc tính rất yếu, ngoại trừ một số rất ít bị phản ứng ngứa ngáy ở da.

b. Tác dụng trị liệu:

Novobioxin dùng để trị các bệnh:

- Nhiệt thán
- Viêm vú
- Viên dưới da

Tuy nhiên, loại kháng sinh này lại không thông dụng trong trị liệu thú y, chủ yếu phối hợp với Penixilin để trị viêm vú bò. Cứ 1/4 bộ vú bò bị viêm dùng 250 mg Natrinovobioxin bơm trực tiếp. Với gia súc thì liều trung bình là 50 mg/kg trọng lượng có thể trọng một ngày. Mỗi ngày chia 4 lần, thời gian cách đều nhau.

5. Kháng sinh Oleandomixin.

Đây là loại khang sinh có độc tính rất khớp, phổ khuẩn giống với Penixilin và nhóm kháng sinh Macrolit.

a. Tác dụng:

Trong thú y thường dùng phối hợp với Streptomixin để trị bệnh viêm vú.

- Thuốc hấp thụ rất nhanh sau khi uống, đạt nồng độ trị liệu trong máu từ 2 - 4 giờ. Thuốc phân tán tới khắp các cơ quan trong cơ thể và bài thải qua nước tiểu, mật.

b. Liều dùng:

- Dưới dạng Phophat Oleandomixin viêm 150 thì liều trung bình là 20mg/kg trọng lượng cơ thể trong 1 ngày. Nếu là bệnh nặng thì có thể tăng 30 - 50 mg/kg thể trọng. Mỗi ngày uống chia làm 4 phần.

- Dung dịch tiêm tĩnh mạch 2‰ thuốc, dùng để tiêm tĩnh mạch chậm với liều dùng tương tự như trên.

Ngoài tác dụng trị bệnh viêm vú trong thú y, Oleandomixin còn có tác dụng kích thích tăng trưởng khi trộn vào thức ăn gia súc (tăng 20% khả năng tăng trọng của lợn).

Liều dùng:

+ Gia cầm: Trộn 1 - 5g thuốc với 1 tấn thức ăn.

+ Lợn con: Trộn 10g thuốc với 1 tấn thức ăn.

Tuy nhiên cũng cần phải chú ý, xu hướng hiện nay là hạn chế dùng kháng sinh pha thức ăn cho gia súc. Vì vậy khi sử dụng phải hết sức thận trọng.

6. Kháng sinh Spiramixin.

Đây là loại kháng sinh có cơ chế diệt khuẩn v định khuẩn, có tác dụng trị các loại bệnh giống nh kháng sinh Erithromixin và Oleandomixin.

Thông thường Spiramixin dùng để trị bệnh viê vú với liều dùng trung bình từ 50 - 75 mg/kg trọn lượng cơ thể trong 1 ngày, riêng chó có thể dùng liề 100 mg/kg trọng lượng.

7. Tiloxin.

Đây là loại kháng sinh có phổ khuẩn rộng, c hiệu lực vi trùng Gram (+), một vài vi trùng Gram (-) đặc biệt rất công hiệu với vi trùng Mycoplasm Galliseptium S6 gây bệnh hô hấp kinh niên CRD trê gà và viêm hốc mũi gà tây.

a. Độc tính:

- Kháng sinh Tiloxin có độ an toàn cao trên tất cả các loài thú. Mặc dù có thể gây phù thũng nhẹ ở màng nhầy trực trạng, sần da, ngứa ngáy ở lợn, nhưng triệu chứng này sẽ mất dần sau vài ngày, không cần phải ngừng điều trị.

b. Tác dụng:

Tiloxin có tác dụng điều trị các bệnh hô hấp ở gia cầm (CRD viêm hốc mũi) và phòng ngừa khích cảm khi tiêm chủng. Nhưng chú ý không được dùng Tiloxin cho gà đẻ trứng làm thực phẩm.

- Ở lợn: Dùng Tiloxin để phòng và trị bệnh đường ruột, đóng dấu.

- Ở bò, bê: Dùng Tiloxin để tiêm thịt, trị bệnh viêm phổi, thối móng và viêm tử cung.

- Ở chó, mèo: Tiloxin để tiêm thịt, trị bệnh hô hấp, viêm tổ chức liên kết, viêm tai ngoài, viêm tử cung, bệnh Lepto, bệnh siêu vi, vết thương nhiễm trùng.

Kháng sinh Tiloxin chỉ được dùng chủ yếu trong lĩnh vực thú y và có khả năng đảm bảo an toàn cao cho thú y. Nhưng với người cần hết sức thận trọng. Không ăn thịt gà đã điều trị bằng Tiloxin trong vòng 3 ngày sau khi ngừng tiêm hoặc 20 giờ sau khi uống. Bò sữa trong lúc trị và 96 giờ sau khi ngưng thuốc không được dùng sữa để làm thực phẩm. Với lợn trong vòng 21 ngày sau khi điều trị, không được phép ăn thịt.

c. Liều dùng:

- Với bò: Dùng từ 4 - 10 mg thuốc/kg trọng lượng cơ thể trong một ngày để tiêm thịt.

- Với lợn, chó, mèo: Liều dùng từ 2 - 10 mg/kg trọng lượng cơ thể trong một ngày để tiêm thịt.

- Với gà, gà tây: Dùng 0,5 g thuốc pha với 1 lít nước cho uống vào thời gian thích hợp.

VI. NHÓM KHÁNG SINH CƠ CẤU POLIPEPTIT.

1. Polimixin B.

Đây là loại kháng sinh ít độc nhất trong 5 loại Polimixin và có độ bền khá cao. Nhưng Polimixin B sunfat là loại kháng sinh không hấp thụ hoàn toàn qua ruột. Vì vậy muốn có tác dụng toàn diện phải tiêm nội thể.

a. Dược tính:

- Polimixin B khi tiêm đạt nồng độ trong máu một cách nhanh chóng và duy trì trong 4 giờ.

- Polimixin B có 3 thể độc.

+ Thể thần kinh: Gây mất thăng bằng, mất cảm giác ở da đầu.

+ Ngộ độc thận: Đi tiểu ra anbumin, kết sạn, nặng hơn có thể đi tiểu ra máu, mủ.

+ Ngộ độc định vị: Thường gây sưng ở chỗ tiêm. Nhưng hầu như tất cả các triệu chứng ngộ độc đều hồi phục sau ngưng sử dụng thuốc.

b. Tác dụng:

- Thuốc Polimixin B có thể kết hợp với Oxitetraxcilin để điều trị bệnh viêm vú rất có hiệu quả. Đồng thời là kháng sinh có hiệu lực với bệnh viêm tai ngoài ở chó.

- Liều dùng:

+ Dùng để uống: Liều thông dụng là 40.000 UI/kg trọng lượng cơ thể trong một ngày.

+ Dùng để tiêm: Liều tiêm là 10.000 UI/kg trọng lượng cơ thể trong một ngày.

Tốt nhất là nên chia liều dùng ra theo những khoảng thời gian đều nhau.

2. Kháng sinh Baxitraxin.

Đây là loại kháng sinh có phổ khuẩn hẹp, giống như thuốc Penixilin. Tuy nhiên trong thực tế, Baxitraxin lại có khả năng chống lại các vi trùng đề kháng Penixilin. Có nghĩa Baxitraxin có tác dụng diệt khuẩn mạnh hơn Penixilin trong một số trường hợp và bền hơn so với Penixilin.

a. Tác dụng:

Baxitraxin A có tính diệt khuẩn nhanh hay chậm còn tuỳ thuộc vào liều dùng và nồng độ, không phụ thuộc vào máu, mô chết trong cơ thể.

- Sử dụng Baxitraxin để uống hay xoa ngoài da không gây độc. Nhưng khi tiêm nội thể thì nên kiểm tra nồng độ anbumin trong nước tiểu.

- Dạng Baxitraxin kẽm làm thực liệu bổ sung có tác dụng kích thích tăng trưởng lợn, gà.

b. Liều dùng:

- Dùng 50.000 - 100.000 UI/ngày cho uống trong 6 ngày cơ thể chữa được bệnh viêm ruột heo.

Nói chung Baxitraxin A không hấp thụ nhiều khi uống hay hít qua phổi . Trong trường hợp mắc bệnh toàn diện, tốt nhất phải tiêm nội thể để trị bệnh.

VII. NHÓM KHÁNG SINH TETRAXILIN.

1. Chlortetracyline.

Đây là loại kháng sinh có phổ khuẩn rộng, tồn tại ở dạng bột, có tinh thể màu vàng và đặc biệt thuốc có vị rất đắng.

a. Độc tính:

Vì thuốc có vị rất đắng nên Chlortetracyline khó uống, làm lợn, chó, mèo hay bị nôn mửa, có khi gây tiêu chảy. Để tránh tình trạng trên, khi cho súc vật mang bệnh uống Chlortetracyline xong nên uống thêm sữa. Đồng thời dùng kèm với thuốc chống bệnh vi nấm như Nystatin để dề phòng sự phát triển vi nấm gây bệnh.

b. Tác dụng trị liệu:

Thuốc kháng sinh Chlortetracyline có phổ khuẩn rộng, nên có thể dùng để trị được nhiều bệnh khác nhau như:

- Các bệnh ở phổi, lách, viêm phổi huyết nhiễm trùng, tọi heo.

Bệnh sốt số mũi ở ngựa, bệnh yết hầu của bò, bệnh xảo thai của trâu bò, bệnh cúm của mèo, sư tử, toi gà.

- Các bệnh không chuyên biệt như viêm vú, viêm tử cung, bệng đường ruột, tiêu chảy ở lợn con và bê. Phụ cảm nhiễm trong các bệnh siêu trùng và nhiễm bệnh vi trùng thông thường ở gia cầm.

- Bệnh viêm màng não ở bò, cừu.

- Trị bệnh cảm nhiễm do sót nhau, hạn chế viêm tử cung.

- Trị những thương tích ở mặt, bằng việc dùng Chlotetraxilin để nhỏ.

- Chlotetraxilin có hiệu lực trị viêm tai ngoài, vết thương bọc mủ và các bệnh gây ung mủ.

c. Liều dùng:

- Chlotetraxilin dùng để uống với liều:

+ Tiểu gia súc: từ 20 - 25 mg/kg trọng lượng cơ thể trong 1 ngày.

+ Đại gia súc: từ 15 - 25 mg/kg trọng lượng cơ thể trong 1 ngày.

Lượng thuốc trên chia làm 2 lần uống trong ngày, mỗi lần cách nhau 12 giờ. Dùng liên tiếp trong 2 đến 3 ngày.

Đây là liều dùng để trị bệnh, còn nếu để phòng bệnh thì có thể dùng liều bằng 1/2 liều điều trị.

- Chlotetraxilin dùng để bơm vào vú với liều: cứ 1/4 bộ vú bơm 6 ml (=426mg) thuốc và sau 24 giờ bơm lại lần nữa với liều bằng 500 mg.

- Chlotetraxilin dùng làm thuốc viên đặt tử cung: với trâu, bò dùng 1 - 2 viên (0,5g/viên), với cừu, lợn cái dùng 1/2 - 1 viên.

- Chlotetraxilin dùng làm thuốc mỡ để tra mắt với 10 mg/ống.

2. Oxitetraxiclin (Oxytetracylin).

Đây là loại kháng sinh quan trọng nhất, được sử dụng rộng rãi nhất trong điều trị bệnh thú y. Oxitetraxiclin có phổ khuẩn rộng, có khả năng định khuẩn ở liều thấp và diệt khuẩn ở liều cao.

a. Độc tính:

Kháng sinh Oxitetraxiclin thường không gây ngộ độc cấp tính. Có thể có hiện tượng rối loạn tiêu hoá trong vài ngày đầu dùng thuốc ở động vật nhai lại, hoặc nôn mửa, tiêu chảy, đờ đẫn ở tiểu gia súc, nhưng những triệu chứng này sẽ mất dần trong vài ngày, con vật sẽ thích nghi với thuốc.

b. Tác dụng của thuốc trong trị liệu:

Oxitetraxiclin có phổ khuẩn rộng, trên vi trùng Gram (+) và Gram (-) vì thế cũng như Clotetracilin,

Oxitetraxiclin trong ứng dụng thuốc trị liệu rất có hiệu quả.

- Trị bệnh viêm vú bò bằng cách tiêm thuốc Oxitetraxiclin 400 - 500mg cho 1/4 bộ vú trong vòng 1 ngày.

- Trị bệnh sốt mũi ở ngựa: Dùng liều lớn để điều trị, kết hợp với giải phẫu bọc mủ.

- Trị bệnh tiêu chảy ở bê, lợn, gà: Với liều lượng khoảng 0,5g/24 giờ ở bê, cách 12 giờ ở lợn.

- Trị bệnh viêm phổi ở lợn con.

- Trị bệnh mồng xanh ở gia cầm: Bệnh CRD ở gà tây, viêm hốc mũi gà tây, viêm mũi truyền nhiễm.

- Trị bệnh nhiệt thán: Dùng Oxitetraxiclin cho hiệu quả nhanh chóng.

- Trị bệnh tụ huyết trùng: Vừa để phòng và trị bệnh.

- Trị bệnh Leptô ở trâu, bò, lợn: ở trâu bò nên dùng liều cao để tiêm mạch. Với lợn, dùng 500 g Oxitetraxiclin/1 tấn thức ăn để trị bệnh cho lợn.

- Trị bệnh thối móng bò, cừu bằng cách dùng chế phẩm Oxitetraxiclin phun, xịt hoặc tiêm vào tĩnh mạch.

- Trị bệnh cúm ở mèo.

- Trị các bệnh không chuyên biệt như cúm ngựa, viêm phổi heo, viêm phổi phế quản trên các loài thú,

viêm hạch hạnh nhân, viêm bàng quang, viêm tử cung ở trâu, bò, ngựa, lợn, chó, mèo.

Ngoài ra, Oxitetraxiclin còn có khả năng hạn chế nhiễm trùng do giải phẫu.

- Trị bệnh viêm giác mạc sừng hoá ở bò, cừu, viêm tai ngoài ở chó, các bệnh mủ ngoài da, vết thương, vết phỏng nhiễm trùng. Trong trị liệu các bệnh này, có thể dùng kết hợp với Polimixin B sẽ có kết quả tốt.

c. Liều dùng.

* *Dùng để uống:* Viên 500 mg.

- Với thú trưởng thành và ngựa: Dùng liều từ 1 - 2 viên để trị viêm tử cung.

- Với bê, ngựa con: Dùng 1/2 - 1 viên/ngày.

- Với cừu: Dùng từ 1,5 - 3 viên/ngày.

- Với lợn nái: Dùng từ 2 - 4 viên/ngày (10mg - 20mg/kg trọng lượng cơ thể trong 1 ngày).

Có thể tuỳ theo thể bệnh vật nuôi để tăng liều từ 10 - 50 mg/kg trọng lượng cơ thể.

* *Dùng để tiêm:* Tiêm dưới da, tiêm thịt hay tiêm tĩnh mạch.

- Với ngựa: Dùng từ 2 - 4 mg/kg thể trọng.

- Với bò, bê: Dùng từ 2 - 4 mg/kg thể trọng.

- Với cừu, cừu non: Dùng từ 2 - 8 mg/kg thể trọng.

- Với chó, mèo: Dùng từ 6 - 10 mg/kg thể trọng.

Chú ý: Riêng với ngựa chỉ tiêm thịt hoặc tiêm tĩnh mạch, không áp dụng biện pháp tiêm dưới da.

3. Kháng sinh Tetraxilin:

Là loại kháng sinh có phổ khuẩn rộng, mỗi mg có ít nhất 900 UI.

a. Tác dụng:

Tetraxilin có tác dụng giống như Oxitetraxilin, Clotetraxilin nhưng lại có hiệu năng hơn, ít độc hơn và cũng được dùng rộng rãi hơn.

Trong thực tiễn, Tetraxilin có thể trị các bệnh sau:

- Bệnh tụ huyết trùng ở bò, cừu, lợn.

- Bệnh xảo thai ở cừu.

- Bệnh cúm mèo: Tetraxicilin có tác dụng phòng và trị bệnh này rất có hiệu quả.

b. Liều dùng:

Ứng với mỗi loại bệnh ở mỗi loài vật khác nhau, liều dùng Tetraxicilin cũng khác nhau.

Với tụ huyết trùng ở trâu bò... dùng 4,4 mg thuốc/kg thể trọng trong 1 ngày. Trong trường hợp cần thiết có thể dùng liều lớn hơn.

- Bệnh xảo thai ở cừu dùng liều 0,5 - 1g/con để tiêm thịt.

- Bệnh sưng phổi ở ngựa dùng từ 2 - 5 mg/kg thể trọng, ở chó, mèo dùng từ 4 - 11 mg/kg thể trọng để tiêm.

Nên kết hợp dùng Tetraxicilin với Vitamin C khi trị bệnh. Nếu dùng thuốc để uống thì sử dụng từ 25 - 50 mg/kg trọng lượng cơ thể, ngày uống làm 2 - 3 lần.

4. Kháng sinh Chloranyhenicol.

Đây là loại kháng sinh đầu tiên được sản xuất bằng tổng hợp nhân tạo, có phổ khuẩn rộng.

a. Độc tính:

Chloranyhenicol khi dùng lâu để trị rất phát sinh vi nấm gây độc, gây ra sự nôn, mửa cho chó, mèo, rối loạn vi sinh vật hệ tiêu hoá ở đại gia súc.

b. Tác dụng:

Chloranyhenicol có tác dụng định khuẩn mạnh và cũng có thể diệt khuẩn.

Trong thí nghiệm Chloranyhenicol có thể đủ sức khống chế rất nhiều loại vi khuẩn gây bệnh. Tuy nhiên trong ứng dụng trị liệu, Chloranyhenicol có tác dụng trị các bệnh sau:

- Dùng để trị viêm vú ở gia súc: Có thể dùng Chloranyhenicol một mình, nhưng cũng có thể kết hợp với thuốc Dapsone sẽ cho kết quả tốt.

- Trị bệnh tụ huyết trùng ở trâu, bò: Dùng Chloranyhenicol để tiêm tĩnh mạch.

- Trị bệnh yết hầu ở bê, bệnh thối móng cừu.

- Dùng Chloranyhenicol để chống vi khuẩn phụ nhiễm ở bệnh viêm phổi.

- Trị bệnh viêm đường ruột và huyết nhiễm trùng.

- Điều trị các bệnh không chuyên biệt như: Chống phụ cảm nhiễm, gây ho và viêm hạch nhân ở chó.

- Trị bệnh xảo thai.

- Trị bệnh trái gà, thương hàn gà, viêm đường ruột.

- Trị bệnh viêm bàng quang.

- Dùng Chloranyhenicol xoa lên da để trị bệnh sừng hoá ở bò.

- Trị bệnh đường ruột, viêm teo xương mũi ở lợn.

c. Liều dùng:

Chloranyhenicol được dùng điều trị ở 3 dạng Thuốc uống, thuốc tiêm, thuốc bôi. Với mỗi phương pháp khác nhau áp dụng những liều dùng khác nhau.

** Dùng để uống:* Dạng thuốc thông dụng là viên bọc.

- Với ngựa con, bê: Liều dùng 0,5 g trong một ngày. Mỗi ngày chia làm 2 - 3 lần.

- Với lợn, cừu: Dùng 0,25 g/ngày. Chia 2 - 3 lần trong ngày.

- Với chó: Dùng 165 mg/kg trọng lượng cơ thể chia 3 lần trong ngày.

- Với mèo: Một ngày dùng 2 lần thuốc Chloranyhenicol, liều lượng 0,12g cho 1 lần.

** Dùng để tiêm:*

- Tiêm thịt: Dùng Chloranyhenicol natri suexinat dung dịch 40%.

- Tiêm tĩnh mạch: Dùng dung dịch suexinat 10%

+ Với đại gia súc: Liều dùng 2 - 4 mg/kg trọng lượng cơ thể trong 1 ngày.

+ Với gia súc nhỏ (ngựa con, bê): Liều dùng 4 - 10 mg/kg trọng lượng cơ thể trong 1 ngày.

Trong trường hợp bệnh có triệu chứng cấp tính thì có thể dùng liều cao hơn, nhưng tuyệt đối không được dùng lâu, phải giảm liều ngay khi thấy có dấu hiệu của sự cải thiện tình trạng.

** Dùng để bôi:* Chloranyhenicol tồn tại ở dạng thuốc mỡ 1% hoặc cũng có thể pha thêm với 0,1 - 0,1% muối làm chất đệm cho dung dịch.

VIII. MỘT SỐ LOẠI KHÁNG SINH KHÁC.

1. Tirothrixin.

- Là loại kháng sinh ở dạng bột, màu trắng xám không tan trong nước, chỉ tan trong rượu etin, axeton. Vì vậy muốn dùng kháng sinh phải pha trong cồn.

- Tirothrixin ở dạng thuốc mỡ, có thành phần khoảng 0,5 - 1% và dạng viên đặt tử cung để trị các bệnh như bọc mủ, viêm khớp, viêm hốc mũi, viêm vú, viêm tử cung, viêm tai giữa...

2. Colimixin.

- Đây là loại kháng sinh không gây độc và không tích lũy, có tác dụng diệt khuẩn và định khuẩn tác dụng trên vi trùng Gram (-).

- Colimixin dùng uống để trị các bệnh đường ruột. Có thể dùng với liều cao, không gây độc. Thường dùng 2 lần/ngày.

- Liều dùng:

+ Để uống: 100.000 kg trọng lượng cơ thể kéo dài trị liệu trong 3 - 6 ngày.

+ Để tiêm thịt: 50.000 UI/kg thể trọng. Chia làm 3 - 4 lần/ngày.

3. Viomixin.

- Viomixin là loại kháng sinh thông dụng nhất ở dạng muối Sunfat, tan trong nước, không tan trong dung môi hữu cơ.

- Viomixin điều trị rất hiệu quả đối với vi trùng gây bệnh lao và có tác dụng kém hơn khi trị bệnh viêm vú, huyết nhiễm trùng, viêm đường ruột.

4. Kháng sinh Kanamixin.

- Là loại kháng sinh có dạng bột màu trắng, dễ tan trong nước, không tan trong cồn. Kanamixin có phổ khuẩn rộng, có tác dụng diệt khuẩn và vi trùng bệnh lao.

- Kanamixin không thu qua đường ruột nên thường được dùng trong các bệnh đường ruột. Đồng thời điều trị các bệnh nhiệt thán, bệnh đường hô hấp, đường tiểu và bệnh ngoài da, viêm tuỷ xương.

- Liều dùng:

+ Để trị liệu toàn diện: Tiêm thịt với liều dùng 20 mg/kg thể trọng trong 1 ngày. Khi sử dụng biện pháp này hoàn toàn không gây phản ứng phụ tại nơi tiêm.

+ Trị bệnh đường ruột: Với liều uống bình quân 50 mg/kg thể trọng trong 1 ngày.

+ Dùng để trị định vị: Dưới dạng thuốc mỡ, dung dịch hoặc phun, xịt.

Tuy nhiên cần chú ý: Nếu điều trị bệnh bằng kháng sinh Kanamixin lâu ngày có thể gây ngộ độc thận.

5. Kháng sinh Cacbomixin - Magnamixin.

- Đây là loại kháng sinh có tinh thể màu vàng, ít tan trong nước,

- Kháng sinh có hiệu lực với vi khuẩn Gram (+), nhưng rất kém hiệu lực với vi trùng Gram (-).

- Liều dùng trung bình từ 50 - 100 mg thể trọng, chia làm 4 lần/ngày. Dùng thuốc có thể gây xáo trộn tiêu hoá, nôn mửa.

6. Framixitin - Soframixin.

- Là loại kháng sinh có bột màu trắng, dễ tan trong nước, không tan trong các dung môi hữu cơ thông thường.

- Framixitin có tác dụng chống vi nấm, hữu dụng trong thú y để trị bệnh cầu trùng, chống vi trùng lao.

- Liều dùng:

+ Ở bệnh cầu trùng mạch tràng gà: Dùng liều trung bình hàng ngày là 100 - 150 mg/lít nước uống. Dùng liên tiếp trong 3 ngày.

+ Trị bệnh cầu trùng ở lợn, cừu, bò: Liều dùng trung bình hàng ngày là 5 - 10 mg/kg thể trọng. Điều trị trong 3 ngày liên tiếp.

Thuốc dùng lâu có thể gây xáo trộn về chức năng của thận nên phải hạn chế dùng. Thuốc ở dạng viên: 10 mg/viên, ở dạng ống: 1 ml/10 ng, dạng bột hoà tan có 2% thuốc. Thuốc sử dụng cần phải nắm rõ liều

lượng của thuốc để tránh tình trạng xáo trộn chức năng.

7. Kháng sinh Higromixin B.

- Là loại thuốc kháng sinh có khả năng diệt giun, sán ở lợn, gia cầm, ngựa. Nhưng không có hiệu lực khi trị bệnh ở cừu.

- Liều dùng:

+ Với ngựa: Trộn 30g thuốc vào thức ăn, dùng cho ngựa trong 1 ngày.

+ Với các loài gia súc: Dùng hỗn hợp Hygeomix chứa 5.000.000 IU/kg trọng lượng trộn vào thức ăn cho dùng trong vòng 4 - 6 tuần.

Lưu ý: Nếu dùng kéo dài ở lợn có thể gây rối loạn hệ thần kinh. Vì vậy phải hết sức thận trọng.

IX. MỘT SỐ LOẠI KHÁNG SINH MỚI TRONG TRỊ LIỆU.

1. Gentamycin.

- Chủ trị các bệnh về truyền nhiễm trùng đường tiêu hoá, hô hấp, tiết niệu, sinh dục, huyết nhiễm trùng, viêm màng não, viêm nội tâm mạc, viêm khớp, viêm da.

- Khi dùng thuốc phải hết sức thận trọng và nên hạn chế, vì thuốc thường gây độc cho thận, tai và có thể gây suy nhược cơ thể.

- Liều dùng trung bình của thuốc từ 5 - 10mg/kg thể trọng mỗi ngày. Chia làm 2 - 3 lần cách đều nhau.

2. Amikacin Sulfate.

- Thuốc này chuyên dùng để chống nhiễm trùng đường huyết, hô hấp, khớp xương, hệ thần kinh trung ương, da, xoang bụng và thận.

- Thuốc có thể gây độc tính trên thận, ốc tai hay tiền đình gây dị ứng da trên người.

- Dùng thuốc để tiêm thịt, tiem mạch chân, hay tiêm dưới da với liều lượng 10 - 15 mg/kg trọng lượng cơ thể/ngày. Mỗi ngày chia làm 2 - 3 lần.

3. Tobramycin Sulfate.

- Thuốc dùng để chống nhiễm trùng đường huyết, đường hô hấp, khớp xương, xoang bụng, hệ thần kinh trung ương, đường tiêu hoá.

- Khi dùng thuốc cần hết sức thận trọng vì thuốc có độc tính trên thận, tai, có thể có ảnh hưởng xấu đến thai.

- Liều dùng: từ 6 - 10mg/kg trọng lượng cơ thể trong một ngày. Chia làm 2 - 3 lần trong một ngày.

4. Netilinycin Sulfate.

- Chuyên dùng để chống nhiễm trùng đường huyết, đường hô hấp, niêm mạc bụng, da xương, khớp, xoang bụng, hệ thần kinh trung ương, đường tiêu hoá.

- Liều dùng: từ 4 - 10 mg/ kg thể trọng/ngày. Uống làm 2 - 3 lần trong ngày.

- Thuốc có độc tính trên thận, tai, có thể gây rối loạn tiêu hoá, sốt, ảnh hưởng tới sự đông máu.

5. Nhóm Cephalosporin mới.

**** Cephotetan.***

- Thuốc này có thể gây độc tính, mẫn cảm như Penixilin, ảnh hưởng đến bào thai, thận. Nếu dùng thuốc để tiêm tĩnh mạch có thể dẫn đến viêm tĩnh mạch.

- Cephotetan có phổ khuẩn tương tự như nhóm Cephalosporin với liều dùng từ 5 - 7 mg/kg thể trọng trong 1 ngày. Chia làm 2 lần cách đều nhau.

**** Caphadroxil.***

- Dùng để chống nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiêu hoá, tiết niệu, da, xương, khớp, mô mềm.

- Liều dùng: từ 1 - 2 g/ngày/ 50kg trọng lượng cơ thể. Trường hợp bệnh nặng có thể tăng đến 100 mg/kg trong lượng cơ thể/ngày.

- Caphadroxil có độc tính giống như Penixilin, Caphadroxil có thể gây buồn nôn, tiêu chảy, dị ứng,

sốc phản vệ. Đặc biệt thuốc sẽ tăng độc tính trên thận nếu dùng chung với Aminoglycosid, Polymyan B, Colistin.

**** Cafaclor monohydeate.***

- Dùng để chống nhiễm trùng đường hô hấp, viêm xoang, viêm tai, viêm da đối với gia súc nhỏ.

- Liều dùng từ 5 - 20 mg/kg thể trọng/ngày. Chia làm 3 lần trong 1 ngày.

- Thuốc có độc tính như Penixilin.

**** Cephapirin.***

- Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, niệu dục, huyết nhiễm trùng, da, xương, khớp, viêm nội tâm mạc.

- Thuốc có độc tính như Penixilin.

- Liều dùng từ 50 - 100 mg/kg thể trọng/ngày.

**** Cefotaxime Na.***

- Dùng để điều trị nhiễm trung hô hấp tiết niệu, nhiễm trùng máu, da, xương, khớp.

- Liều dùng: Từ 20 - 100 mg/kg thể trọng, chia là 2 - 3 lần trong ngày.

- Độc tính tương tự Penixilin, có thể gây sốc, tiêu chảy, đau chỗ tiêm, giảm bạch cầu.

**** Cephalexin.***

- Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiết niệu sinh dục, tiêu hoá.

- Liều dùng trung bình từ 25 - 50 mg/kg thể trọng trong 1 ngày có thể tăng đến 100 mg/kg thể trọng/ngày.

** Cefoperazon Na:*

- Thuốc có phổ khuẩn giống Penixilin và độc tính như Cephalosporin.

- Liều dùng: 25 - 50 mg/kg thể trọng trong 1 ngày có thể tăng liều lượng nhưng tối đa chỉ là 100 mg/kg thể trọng trong 1 ngày. Chia làm 2 - 3 lần trong ngày.

** Cefpirome Sulfte.*

- Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, niệu dục, da, mô mềm, huyết nhiễm trùng.

- Liều dùng trung bình 25 - 50 mg/kg thể trọng trong 1 ngày.

- Thuốc có độc tính quá mẫn, nôn, tiêu chảy, thiếu máu, tàn huyết, giảm bạch cầu, độc cho thận.

** Ceftazidime Pentahydrate.*

- Dùng để điều trị nhiễm trùng máu, viêm màng não, hô hấp, niệu dục, tiêu hoá, da, mô mềm, xương khớp, dự phòng nhiễm trùng trong giải phẫu.

- Liều dùng: 25 - 60 mg/kg thể trọng trong 1 ngày, chia làm 2 lần.

- Độc tính: Có thể gây rối loạn tiêu hoá, viêm tĩnh mạch, ảnh hưởng thần kinh trung ương.

*** *Ceftaxone Na.***

- Điều trị nhiễm trùng đường tiểu, hô hấp, da, mô mềm, xương khớp, viêm màng não, điều trị hậu phẫu.

- Liều dùng: 50 - 100 mg/kg thể trọng trong 1 ngày, chia làm 2 lần.

- Độc tính: Có thể gây tiêu chảy, nôn mửa, giảm bạch cầu, tiểu cầu, dị ứng da, độc cho thận.

*** *Cefuroxime Na - Cefuroxime axetil.***

- Chuyên dùng điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, da, mô mềm, xương khớp, nhiễm trùng máu.

- Liều dùng: Từ 30 - 100 mg/kg thể trọng trong 1 ngày, chia làm 2 - 3 lần.

- Độc tính: Có thể gây rối loạn tiêu hoá, tăng bạch cầu, đa nhân ái toan.

*** *Thiamphenicol.***

- Điều trị bệnh nhiễm trùng hô hấp, tiêu hoá, niệu dục, thương hàn, viêm màng não.

- Liều dùng: 30 - 100 mg/kg thể trọng trong 1 ngày.

- Độc tính: Có thể gây suy tuỷ xương, suy thận.

*** *Amoxicillin.***

- Chuyên trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hoá, sinh dục, nhiễm trùng sau giải phẫu.

- Liều dùng trung bình 40 - 50 mg/kg thể trọng chia làm 3 - 4 lần. Có thể dùng tối đa đến 100 - 150 mg/kg thể trọng.

- Độc tính: Giống như Penixilin quá mẫn, tiêu chảy.

* ***Rosoxacin:***

- Dùng để điều trị bệnh đường sinh dục, đường tiêu hoá.

- Liều dùng: 5 - 7 mg/kg thể trọng trong 1 ngày.

- Có thể gây dị ứng, ảnh hưởng xấu đến gan, thận.

* ***Naryloxacin.***

- Điều trị nhiễm trùng đường niệu dục, tiêu hoá.

- Liều dùng: 10 - 20 mg/kg thể trọng ngày chia làm 3 - 4 lần.

- Độc tính: Có thể gây suy gan, suy thận, buồn nôn, động kinh.

* ***Ofloxacin.***

- Điều trị bệnh đường hô hấp, tiết niệu dục, da, mô mềm, xương khớp, tiêu hoá, nhiễm trùng huyết.

- Liều dùng: 10 - 20 mg/kg thể trọng cơ thể chia 2 - 3 lần trong 1 ngày

- Độc tính: Có thể gây dị ứng rối loạn tiêu hoá, nhạy cảm ánh sáng, tia tử ngoại.

* ***Pefloxacin.***

- Điều trị nhiễm trùng máu, hô hấp, niệu dục, da, xương khớp, tụ cầu.

- Liều dùng: 10 - 15 mg/kg thể trọng ngày chia 2 lần.

- Độc tính: Có thể gây rối loạn tiêu hoá, nhạy cảm với ánh sáng, tia cực tím, suy gan.

* ***Doxycyline.***

- Dùng điều trị nhiễm trùng hô hấp, niệu dục.

- Liều dùng: 3 - 5 mg/kg thể trọng trong 1 ngày

- Độc tính: Có thể gây nổi ban đỏ, nôn, tiêu chảy, loét thực quản, phù.

* ***Lincomycin (Lincoin).***

- Điều trị những chứng bệnh do nhiễm vi trùng Gram (+).

- Liều dùng: 30 - 60 mg/kg thể trọng, ngày chia 3 - 4 lần.

- Độc tính: Quá mẫn cảm, tiêu chảy, buồn nôn, giảm bạch cầu hạt, có thể ảnh hưởng tới gan, thận.

* ***Vancomycin HCl (Vancoan).***

- Điều trị nhiễm trùng, viêm nội tâm mạc.

- Liều dùng: 10 - 40 mg/kg thể trọng, ngày chia 3 - 4 lần.

- Độc tính: Có hại cho tai, suy thận, sốc, viêm tĩnh mạch khi tiêm, huyết khối.

* ***Colistin Sulfate.***

- Chuyên dùng để chủ trị các bệnh đường tiêu hoá.

- Liều dùng:

+ Với lợn con dưới 2 tháng tuổi: Dùng 60 - 80 ppm để phòng bệnh.

- Với gà: Dùng 10 - 20 ppm (phần triệu) thuốc để trộn vào thức ăn. Riêng gà mái giống dùng 20ppm. gà đẻ dùng 5 ppm.

- Dùng 40 ppm trong thức ăn có tác dụng kích thích tăng trưởng.

** Destomycin A (Destonate).*

- Chủ yếu để trị giun sán. Thuốc không gây phản ứng phụ, kích thích cho thú.

- Liều dùng: 5 - 10 ppm (phần triệu) trong thức ăn. Dùng liên tục trong 8 tuần tới khi không còn giun sán trong phân.

Chú ý: Không nên ăn thịt gà trong thời gian dùng thuốc.

X. NHÓM CHẤT DIỆT TRÙNG NITROFURANA.

Đây là một nhóm hoá chất tổng hợp, có tính chất kháng lại sự phát triển của vi trùng. Nhóm này rất được ưa chuộng trong trị liệu thú y vì dễ sử dụng, hiệu lực khá, ổn định trên nhiều loại thú, lại rẻ tiền.

1. Nitrofurazon.

- Nitrofurazon có phổ khuẩn rộng, trị được vi trùng Gram (+) lẫn vi trùng Gram (-).

- Ứng dụng trị liệu:

+ Trị bệnh thương hàn ở lợn: Thường dùng phối hợp với thuốc kháng sinh như cloramphenicol để điều trị.

Liều dùng: Trộn 0,05% nồng độ thuốc vào thức ăn, dùng liên tiếp trong 7 ngày.

Việc trị bệnh thương hàn cần tiến hành trên cả đàn heo để tránh tình trạng bệnh lây lan.

+ Điều trị vết thương, lở loét. Dùng Nitrofurazon với nồng độ 0,2% để bôi vào vết thương sẽ ngăn được nhiễm trùng vết thương.

+ Điều trị bệnh cầu trùng ở lợn. Trong vòng 7 ngày liên tiếp dùng nồng độ thuốc 0,44/1000.

+ Điều trị bệnh cầu trùng ở chó, mèo : Liều dùng từ 10 - 20 mg/kg trọng lượng cơ thể trong 1 ngày. Dùng liên tục trong 5 - 20 ngày.

+ Điều trị bệnh cầu trùng ở thỏ: Dùng liều 1,5 - 2g/kg thể trọng.

2. Furazolidon.

- Có dạng bột màu vàng nghệ, ít tamntrong nước, rượu cồn.

- Furazolidon có phổ khuẩn rộng, có hiệu lực với Gram (-) và cả Gram (+).

- Ứng dụng trị liệu: Rất có hiệu quả khi điều trị bệnh đường ruột cho lợn, gà.

+ Trị bệnh thương hàn ở lợn, gia cầm.

+ Purazolidon còn được dùng phòng và trị bệnh cầu trùng ở gà, lợn.

3. Nitrofurantoin.

- Thuốc có phổ khuẩn rộng trên cả vi khuẩn Gram (-) và cả Gram (+), không hoà tan trong nước.

- Tác dụng trong trị liệu: Dùng Nitrofurantoin để chuyên trị các bệnh: Viêm vú, nhiễm khuẩn huyết, nhiễm trùng ở bộ phận tiêu hoá, đường sinh dục, đường hô hấp.

- Liều dùng:

+ Dùng tiêm thịt sâu, chống bệnh đường tiểu với liều dùng hàng ngày 5 - 25 mg/kg thể trọng chia làm 2 lần.

+ Cho uống: Với liều lượng như trên nhưng để trị bệnh đường tiểu và hô hấp của chó.

+ Dùng bơm vào vú để trị bệnh viêm vú với liều lượng 5 - 10 ml huyền dịch cho 1/4 bầu vú. Dùng liên tục trong 3 - 4 ngày.

4. Nifiraldezon.

- Thuốc không hoà tan trong nước, ít hấp thụ qua màng ruột.

- Rất có hiệu quả khi dùng để trị bệnh đường ruột cho bê, lợn con với liều dùng 0.02g/ 1 kg thể trọng trong 1 ngày.

XI. CÁC CHẤT DÙNG TRONG TRỊ LIỆU.

1. Arsanilic acid.

- Chủ yếu dùng arsanilic acid để trị bệnh của lợn rất có hiệu quả trong thực tế, ngăn ngừa bệnh tiêu chảy, viêm vú và xảo thai.

- Với thú sơ sinh chuẩn bị cai sữa và sau khi dứt sữa, dùng arsanilic acid để phòng bệnh, nhất là bệnh tiêu chảy. Nồng độ thuốc thường dùng là 250 phần triệu (ppm) trong 3 tuần.

Nồng độ 100 phần triệu (100 ppm) pha vào thức ăn cho thú có tác dụng "tăng trưởng" sự tăng trưởng.

- Với gà dùng arsanilic acid, nồng độ 250 phần triệu pha vào thức ăn có tác dụng phòng bệnh do vi trùng Coliforme gây ra. Dùng liên tục trong 5 - 8 ngày.

- Thuốc có độc tính khá cao, liều có thể gây độc cho lợn là 4 lần liều dùng thông thường, cho gà là 8 lần.

Đặc biệt phải sau 10 ngày ngừng dùng thuốc mới được ăn thịt gia súc, gia cầm.

2. Arsanilat natri.

- Có tác dụng trị liệu tương đương Arsanilic acid và thường dùng để uống.

- Liều dùng: Để phòng bệnh.

+ Với lợn: 10 mg/kg thể trọng trong mỗi ngày. Dùng kéo dài trong 3 tuần.

+ Với gà: 160 ppm trong vòng 7 ngày.

- Sau 7 ngày dừng dùng thuốc mới được giết thịt gia súc, gia cầm để ăn vì khi đó độc tính tích luỹ trong thịt mới hết.

3. Acid Arsenic.

- Thuốc được dùng để trị ký sinh trùng ngoài da, diệt giun sán, trị ghẻ ở cừu, ngựa.

- Thuốc có độc tính cao, có thể ăn da mạnh, vì vậy nên hạn chế sử dụng.

- Liều dùng để tắm ghẻ:

+ Anhydric arsenic - 1000g

+ Sulfat kẽm thương phẩm - 5000 g

+ Asafoetida - 5g

+ Nước thường - 100 lít

Thời gian tắm 2 phút tắm 2 lần, mỗi lần cách nhau 9 ngày.

4. Arseniat Fe.

- Thường được dùng để chống thiếu máu, đặc biệt là dùng trong bệnh Piroplasma.

- Liều dùng:

+ Đại gia súc: 0,5 - 2 kg

+ Thú trung bình : 0,1 - 0,2g

+ Với chó: 5 - 20mg

5. Acetarsol.

- Thuốc có tác dụng với vi sinh vật hoá, cầu trùng và ký sinh trùng ở gia cầm. Trị bệnh viêm gan, viêm ruột xuất huyết ở lợn. Ngoài ra, thuốc còn có tác dụng bồi bổ tổng quát.

- Liều dùng;

+ Với ngựa, bò: Dùng 5 - 10 g/1 lần

+ Với dê, cừu: 0,3 - 1g/lần (kg được vượt quá 300 mg/kg.

+ Với chó: Dùng 40 - 50 mg/kg thể trọng.

+ Với gia cầm: 10 - 20 mg/kg thể trọng.

6. Cacodylat Fe.

- Thuốc có dạng bột màu vàng, dễ tan trong nước, dùng để chống thiếu máu.

- Liều dùng: Dung dịch 3% để tiêm:

+ Thú lớn: 0,6 - 25 g

+ Thú vừa: 100 - 400 mg

+ Chó: 50 - 100 mg.

Tiêm trong vòng 8 - 10 ngày.

Nhìn chung, các loại thuốc tây y trên qua thí nghiệm và thực tiễn trị liệu đều có khả năng trị liệu cho thú y với hiệu quả cao. Tuy nhiên khi sử dụng phải hết sức thận trọng và cần có sự hướng dẫn, cố vấn của bác sỹ thú y để tránh những sự cố bất thường có thể xảy ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sổ tay nuôi cá gia đình - KS Nguyễn Duy Khoát 9 NXB Nông nghiệp).
2. Bệnh ngã nước trâu bò - PGS.TS Phan Định Lân (NXB Nông nghiệp).
3. Sổ tay nuôi lợn - Trương Lăng (NXB Đà Nẵng).
4. Chăn nuôi quy mô nhỏ ở gia đình - Trịnh Văn Thịnh (NXB Văn hoá - Dân tộc).
5. Hỏi đáp về kỹ thuật và kinh nghiệm nuôi bò sữa đạt năng suất cao - Phan Kim Hồng Phúc (NXB Đà Nẵng).
6. Hướng dẫn điều trị các bệnh lợn - Trương Lăng (NXB Đà Nẵng).
7. Sử dụng đông dược trong chăn nuôi trị bệnh - Thuý Hường (NXB Đồng Nai).
8. Xoá đói giảm nghèo bằng phương thức chăn nuôi kết hợp vịt - cà - lúa (NXB Nông nghiệp_.
9. Các công trình nghiên cứu khoa học kỹ thuật thuỷ sản - Bộ thuỷ sản 1991, Tạp chí thuỷ sản.
10. Integration of Agriculture and fish farming in Viet Nam. Nguyễn Thiện, Nguyên Công Quốc.

MỤC LỤC

	Trang
Lời mở đầu	5
Chương I: **Phòng và trị một số bệnh ở cá**	7
I. Một số biện pháp phòng bệnh cho cá	8
II. Chuẩn đoán và chữa bệnh cho cá	10
Chương II: **Điều trị những bệnh thường gặp ở gia súc**	16
I. Các bệnh thường gặp ở trâu bò	16
II. Các bệnh thường gặp ở lợn	39
III. Một số bệnh thường gặp ở chó, mèo	66
Chương III: **Điều trị một số bệnh thường gặp ở gia cầm**	75
I. Một số bệnh thường gặp ở gà	76
II. Một số bệnh thường gặp ở vịt	95
***Chương III*: Một số kháng sinh dùng trong thú y**	105
I. Nguyên tắc trị liệu bằng kháng sinh	106
II. Nhóm kháng sinh Penlixilin	107
III. Nhóm kháng sinh Apicillin	109
IV. Nhóm kháng sinh Cephalosporin	112
V. Nhóm kháng sinh cơ cấu Polixacacarit macrolit	112
VI. Nhóm kháng sinh cơ cấu Polipeptit	122

VII. Nhóm kháng sinh Tetraxiclin 124
VIII. Một số loại kháng sinh khác 133
IX. Một số loại kháng sinh mới trong trị liệu 136
X. Nhóm chất diệt trùng Nitrofurana 144
XI. Các chất dùng trong trị liệu 147

Tài liệu tham khảo 150

BT ND
016

[illegible]

Giá: 18.000đ